

2021
HƯỚNG DẪN
VỀ GIÁ VÀ
DỊCH VỤ UPS®
Biểu giá hàng ngày

Việt Nam

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021



ups.com®
1800 588 877

UPS GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CHO BẠN

Là công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực logistics, chuyển phát đảm bảo thời gian chính là một trong nhiều những tiêu chí mà UPS cam kết thực hiện mỗi ngày. Chúng tôi cũng đồng thời mang đến:

- Kiến thức và kinh nghiệm phong phú tích lũy bởi công ty chuyển phát lớn nhất thế giới nhằm giúp bạn đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế đang mở rộng nhanh chóng.
- Các giải pháp tùy chỉnh linh hoạt và các dịch vụ đáng tin cậy về vận chuyển, theo dõi và thanh toán từ một công ty hàng đầu thế giới về công nghệ nhằm thúc đẩy năng suất, tiết kiệm thời gian và giảm thiểu chi phí.
- Các phương án vận chuyển bền vững từ một trong các mạng lưới vận chuyển toàn cầu hiệu quả nhất thế giới giúp giảm khí thải carbon và bảo tồn nguồn tài nguyên.

Tất cả những điều này nhằm đáp ứng một mục tiêu lớn nhất—sự hài lòng của bạn và, quan trọng hơn cả, là đảm bảo sự hài lòng từ khách hàng của bạn. Khi điều đó được thực hiện, chúng tôi biết mình đã hoàn thành nhiệm vụ.

Để tìm hiểu thêm về những gì chúng tôi có thể mang đến cho doanh nghiệp của bạn, hãy truy cập ups.com/solutions/vn.

Dịch vụ vận chuyển quốc tế UPS

Các loại hình dịch vụ chuyển phát nhanh

Dịch vụ	Chuyển phát	Nơi đến	Thông tin khác
1-3 NGÀY			
UPS Worldwide Express Plus	- Đảm bảo giao hàng vào buổi sáng trước 8:00 giờ sáng/ 8:30 giờ sáng tới các thành phố lớn ở Hoa Kỳ 8:30 giờ sáng đối với Canada 9:00 giờ sáng tới các thành phố lớn ở Châu Á, hơn 4.000 thành phố ở Hoa Kỳ và các trung tâm kinh tế lớn ở khu vực Châu Âu 9:00 giờ sáng hoặc 11:00 giờ sáng từ khắp nơi trên thế giới tới các điểm đến được lựa chọn tại quốc gia của bạn	Các thành phố lớn ở Hoa Kỳ, Châu Âu và Châu Á	- Phù hợp cho những lô hàng khẩn cấp - Xử lý ưu tiên - Áp dụng cho thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG
UPS Worldwide Express	- Đảm bảo giao hàng trước 10:30 giờ sáng, 12 giờ trưa, 2 giờ chiều hoặc 3 giờ chiều tới hầu hết các khu vực thuộc Hoa Kỳ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương, một số khu vực xác định ở Châu Mỹ và các thành phố lớn ở Canada 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều đến hầu hết các khu vực trên đất nước của bạn	Hoa Kỳ, thành phố lớn ở Canada, Châu Âu, Châu Á và một số khu vực xác định ở Châu Mỹ	Áp dụng cho thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG
UPS Worldwide Express Freight Midday	Giao hàng đảm bảo giờ xác định trước 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều, trong 1-3 ngày làm việc, tùy thuộc điểm đến	Tới hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới	- Gồm lựa chọn Giao Nhận Tận Nhà và Không Giao Nhận Tận Nhà - Áp dụng cho các kiện hàng đóng pallet trên 70 kg
UPS Worldwide Express Freight	Đảm bảo giao hàng vào cuối ngày, trong vòng 1-3 ngày làm việc, tùy vào điểm đến	Tới hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới	- Gồm lựa chọn Giao Nhận Tận Nhà và Không Giao Nhận Tận Nhà - Áp dụng cho các lô hàng đóng pallet trên 70kg
UPS Worldwide Express Saver®	Đảm bảo giao hàng trước thời điểm cuối ngày đến 220 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới	220 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới	- Một sự thay thế kinh tế cho dịch vụ UPS Express nhưng vẫn đảm bảo tính nhanh chóng và độ tin cậy - Áp dụng cho thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG
3-5 NGÀY			
UPS Worldwide Expedited	Giao hàng trong thời gian 3 ngày làm việc trong phạm vi Châu Á, và từ Châu Á tới nhiều trung tâm kinh tế lớn ở Châu Âu, khu vực Bắc Mỹ và Nam Mỹ	Trong phạm vi Châu Á, và từ Châu Á tới các trung tâm kinh doanh lớn ở Châu Âu, Bắc và Nam Mỹ. Tham khảo Biểu đồ Khu vực Thế giới (Worldwide Zone Charts) để biết danh sách đầy đủ các quốc gia/vùng lãnh thổ ở Châu Á mà dịch vụ này được đảm bảo nhập khẩu/ xuất khẩu	- Một sự lựa chọn kinh tế cho những chuyển hàng ít yêu cầu về thời gian - Chính xác ngày và thời gian toàn trình giúp quý khách lên lịch chuyển phát hàng. - Hỗ trợ bảo đảm hoàn tiền cho một số quốc gia/vùng lãnh thổ nhất định

Vận tải hàng không

Dịch vụ	Chuyển phát	Nơi đến	Thông tin khác
1-3 NGÀY			
UPS Air Freight Direct®	Dịch vụ vận chuyển hàng không từ sân bay đến sân bay giao hàng theo lịch trình vào ngày xác định trong vòng 1-3 ngày	Hầu hết mọi khu vực trên toàn thế giới	- Lựa chọn lý tưởng cho các lô hàng trên 70kg - Xử lý các lô hàng đóng hoặc không đóng pallet dễ dàng và tiện lợi - Các tùy chọn dịch vụ bao gồm nhận hàng, giao hàng và thông quan
3-5 NGÀY			
UPS Air Freight Consolidated®	Dịch vụ vận chuyển hàng không từ sân bay đến sân bay giao hàng theo lịch trình vào ngày xác định trong vòng 3-5 ngày	Toàn cầu	- Lựa chọn lý tưởng cho các lô hàng trên 70kg - Xử lý các lô hàng đóng hoặc không đóng pallet dễ dàng và tiện lợi - Các tùy chọn dịch vụ bao gồm nhận hàng, giao hàng và thông quan

Lưu ý :
Các điều kiện và hạn chế , bao gồm những Điều khoản và Điều kiện của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên lạc với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com® .

Xác định trọng lượng và kích thước

Dịch vụ chuyển phát nhanh UPS

Trọng lượng tính cước: Trọng lượng thực tế hay Trọng lượng khối?

Để xác định trọng lượng dùng để tính cước phí, khách hàng cần xác định quy tắc nào sẽ được áp dụng. Các quy tắc khác nhau áp dụng cho các tùy chọn dịch vụ khác nhau.

Trọng lượng thực tế là trọng lượng của gói hàng được làm tròn lên đến nửa kilogram tiếp theo.

Trọng lượng khối xem xét đến yếu tố mật độ, là không gian mà gói hàng đó chiếm dụng trong mối liên hệ với trọng lượng thực tế của gói hàng.

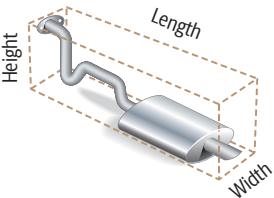
Trọng lượng tính cước là trọng lượng được dùng để xác định cước phí. Trọng lượng tính cước sẽ là giá trị lớn hơn giữa trọng lượng thực tế và trọng lượng khối của gói hàng.

Lưu ý:
Những gói hàng vượt quá giới hạn về trọng lượng và kích thước của UPS sẽ không được chấp nhận vận chuyển. Liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết.

Những gói hàng có hình dạng khác thường

Đo lường kích thước các loại hộp và thùng đựng không phải dạng hình hộp để xác định trọng lượng khối và xác định liệu gói hàng có nằm trong giới hạn tối đa hay không.

Xem gói hàng có hình dạng khác thường như thế được đặt trong hình hộp thông thường. Xác định chiều dài, chiều rộng và chiều cao của gói hàng dựa theo các điểm giới hạn của hàng hóa.



Bước 1
Xác định Trọng lượng thực tế
Sử dụng cân để xác định trọng lượng gói hàng. Làm tròn trọng lượng lên nửa kilogram tiếp theo.

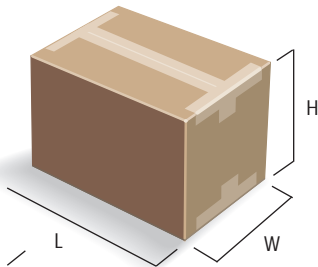
Bước 2
Xác định Trọng lượng khối*:
Tính toán thể tích bằng cách nhân chiều dài với chiều rộng và chiều cao (mỗi chiều được làm tròn tới đơn vị centimete gần nhất).

Chia thể tích của gói hàng cho 5,000 để xác định trọng lượng khối theo đơn vị kilogram. Làm tròn trọng lượng gói hàng lên nửa kilogram tiếp theo.

Bước 3

$$\left[\begin{array}{l} \text{Trọng lượng khối} \\ \text{theo đơn vị kg} \end{array} \right] = \frac{L \times W \times H}{5,000}$$

L = chiều dài theo đơn vị centimet
W = chiều rộng theo đơn vị centimet
H = chiều cao theo đơn vị centimet



Chọn vùng gửi hàng chính xác:
Xác định vùng gửi hàng thích hợp dựa trên Biểu Vùng UPS từ trang 8 đến trang 11.

Bước 4
Xác định trọng lượng lô hàng
Bảng giá cước cho các lô hàng gồm nhiều gói hàng**, bao gồm cả UPS Express Paks và các gói hàng gửi cho một người nhận trong cùng một ngày sẽ dựa trên tổng trọng lượng của một lô hàng riêng lẻ. Cách tính này sẽ tiết kiệm đáng kể chi phí so với cách tính phí trên từng gói hàng đơn lẻ. Trọng lượng tính cước của từng gói hàng được xác định là trọng lượng thực tế hay trọng lượng khối của gói hàng đó, tùy theo trọng lượng nào lớn hơn thì tính theo trọng lượng đó.

Thông tin bổ sung: Giới hạn về trọng lượng và kích thước

- Trọng lượng tối đa của một gói hàng là 70 kg.
- Chiều dài tối đa của một gói hàng là 274 cm.
- Kích thước tối đa cho một gói hàng là 400 cm của tổng chiều dài cộng với chu vi [(2 x chiều rộng) + (2 x chiều cao)].
- Không có giới hạn nào đối với tổng trọng lượng của một lô hàng hay số lượng gói hàng trong một lô hàng.

* Đối với lô hàng nhập khẩu, sử dụng các đơn vị đo lường và chỉ số kích thước tại quốc gia xuất xứ để tính trọng lượng khối.

Trọng lượng khối áp dụng cho tất cả các lô hàng quốc tế ngoại trừ những lô hàng sử dụng UPS Express Envelope, UPS 10 KG Box®, and UPS 25 KG Box®.

** Lô hàng gồm nhiều gói hàng có nghĩa là một lô hàng chứa nhiều gói hàng và/hoặc tài liệu được gửi qua một mã số vận đơn duy nhất.

Lưu ý:
Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, mô tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Xác định trọng lượng và kích thước

UPS Worldwide Express Freight Services

Trọng Lượng tính cước:

Trọng lượng thực tế hay Trọng lượng khối?

Để xác định trọng lượng dùng để tính cước phí, khách hàng cần xác định quy tắc nào sẽ được áp dụng.

Trọng lượng thực tế của các mặt hàng trên pallet và trọng lượng của pallet được làm tròn đến nửa kilogram gần nhất.

Trọng lượng khối xem xét đến yếu tố mật độ pallet, là không gian mà pallet đó chiếm dụng trong mối liên hệ với trọng lượng thực của nó.

Trọng lượng tính cước là trọng lượng được dùng để xác định cước phí. Trọng lượng tính cước sẽ là giá trị lớn hơn giữa trọng lượng thực tế và trọng lượng khối của pallet. Một mức phí tối thiểu có thể áp dụng.

Bước 1

Xác Định Trọng Lượng Thực Tế:

Trọng lượng thực của các mặt hàng trên pallet và trọng lượng của pallet được làm tròn đến nửa kilogram gần nhất.

Bước 2

Xác định trọng lượng khối*:

Tính toán thể tích bằng cách nhân chiều dài với chiều rộng và chiều cao (mỗi chiều được làm tròn tới đơn vị centimete gần nhất) của mỗi kiện hàng.

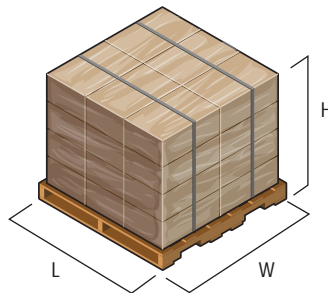
Chia thể tích của gói hàng cho 5,000 để xác định trọng lượng khối theo đơn vị kilogram. Làm tròn trọng lượng gói hàng lên nửa kilogram tiếp theo.

$$\left[\begin{array}{l} \text{Trọng lượng khối} \\ \text{theo đơn vị kg} \end{array} \right] = \frac{L \times W \times H}{5,000}$$

L = chiều dài theo đơn vị centimet

W = chiều rộng theo đơn vị centimet

H = chiều cao theo đơn vị centimet



Bước 3

Xác Định Trọng Lượng Tính Cước:

So sánh Trọng lượng thực tế và trọng lượng khối của pallet. Giá trị lớn hơn của hai trọng lượng này là trọng lượng tính cước và sẽ được dùng để xác định cước phí.

Đối với các kiện hàng có nhiều pallet, cộng trọng lượng tính cước của từng pallet để xác định trọng lượng tính cước của lô hàng.

Xác định Trọng Lượng Tính Cước

ví dụ: Một khách hàng có một lô hàng gồm ba pallet nặng 50 kg, 400 kg và 300 kg. Tất cả pallet có cùng kích cỡ với kích thước như sau: 122 cm x 102 cm x 150 cm

1. Xác Định Trọng Lượng Thực Tế

Trọng Lượng Thực Tế:

$$50 \text{ kg} + 400 \text{ kg} + 300 \text{ kg} = 750 \text{ kg}$$

2. Xác Định Trọng Lượng Khối

Trọng Lượng Khối của Pallet:

$$(122 \text{ cm} \times 102 \text{ cm} \times 150 \text{ cm}) / 5,000 = 373,5 \text{ kg}$$

Trọng Lượng Khối của Kiện Hàng:

$$373,5 \text{ kg} + 373,5 \text{ kg} + 373,5 \text{ kg} = 1.120,5 \text{ kg}$$

3. Xác Định Trọng Lượng Tính Cước

Trọng Lượng Tính Cước của Kiện Hàng:

$$373,5 \text{ kg} + 400 \text{ kg} + 373,5 \text{ kg} = 1.147 \text{ kg}$$

* Đối với lô hàng nhập khẩu, sử dụng các đơn vị đo lường và chỉ số kích thước tại quốc gia xuất xứ để tính trọng lượng khối.

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, mô tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Dịch vụ có phụ phí

Ngoài hợp đồng

Phí Dịch vụ Bảo hiểm hàng giá trị

Đối với các lô hàng giá trị lớn hơn 2,350,000 VND, quý khách có thể mua thêm phí bảo hiểm thất lạc hoặc hư hỏng 47,000 VND cho mỗi 2,350,000 VND. Phí này có thể được tính cho người gửi hàng, người nhận hàng hoặc bên thứ ba.

UPS Returns*

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng về chuyển trả hàng và đơn giản hóa quy trình nhận hàng trả lại của khách hàng, UPS cung cấp dịch vụ trả hàng dưới nhiều hình thức. Quý khách có thể tự tạo nhãn trả hàng cho khách hàng hoặc UPS cung cấp nhãn trả hàng cho khách hàng của quý khách thông qua email hoặc thư tin. Dịch vụ UPS Returns hiện có :

Nhãn trả hàng tự in

Quý khách tự tạo nhãn và đính kèm nó với lô hàng xuất hoặc gửi riêng cho khách hàng để khách hàng tự dán nhãn lên gói hàng.

Phí cho mỗi nhãn trả hàng : 23,500 VND

Nhãn trả hàng điện tử

Nhãn hàng gửi qua email UPS áp dụng trong trường hợp quý khách yêu cầu khách hàng tự in nhãn trả hàng và dán nhãn lên gói hàng trả lại.

Phí cho mỗi nhãn trả hàng : 32,900 VND

Phí trả hàng cho những gói hàng không phát được

Những lô hàng bị người nhận hàng từ chối nhận hoặc vì bất cứ lý do gì mà không thể chuyển phát được sẽ được UPS giữ lại và nỗ lực liên lạc với người gửi hàng để được hướng dẫn, bao gồm cả trường hợp phải hoàn trả lại hàng. Trong trường hợp này, người gửi hàng phải chịu phí vận chuyển cộng thêm 235,000 VND cho mỗi lô hàng từ chối nhận phải trả lại.

Chỉ Phát Hàng Trực Tiếp

Dịch vụ Chỉ Phát Hàng Trực Tiếp đảm bảo gói hàng chỉ được giao đến địa chỉ trên nhãn gói hàng mà không thể thay đổi lộ trình, chuyển hướng hoặc giao tới một địa chỉ khác. Các gói hàng Chỉ Phát Trực Tiếp được áp dụng dịch vụ giữ chờ lấy hàng tại trung tâm khách hàng UPS, đối lịch phát hàng và trả lại cho người gửi. Dịch vụ Chỉ Phát Hàng Trực Tiếp hiện khả dụng cho các gói hàng phát đến khu dân cư và thương mại. Phí 47,000 VND áp dụng cho từng gói trong lô hàng.

* Chỉ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng sử dụng hệ thống vận chuyển của UPS phù hợp để tạo ra những nhãn thông minh.

Lưu ý:

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com®.

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Dịch vụ có phụ phí

Ngoài hợp đồng

Phụ phí Xử lý*

Một khoản phụ phí xử lý 141,000 VND trên một gói hàng sẽ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Bất kỳ hàng hóa nào không đóng kín được bằng thùng các-tông, bao gồm nhưng không hạn chế bằng kim loại, gỗ, nhựa cứng, nhựa mềm (ví dụ: túi nhựa) hoặc vật liệu xốp polystyren (ví dụ: xốp styrofoam).
- Bất kỳ vật phẩm hình trụ, như là thùng tròn, trống, xô thùng, lớp xe không được đóng kín trong các thùng các-tông
- Bất kỳ gói hàng nào có cạnh dài nhất vượt quá 122 cm hoặc cạnh dài thứ hai vượt quá 76 cm.
- Bất kỳ gói hàng nào có trọng lượng thực tế lớn hơn 32 kg.
- Mỗi gói hàng trong một lô hàng có trọng lượng trung bình lớn hơn 32 kg và không xác định rõ trọng lượng của mỗi gói hàng trong chứng từ gốc hoặc trong hệ thống vận chuyển tự động của UPS.

Phụ Phí Xử Lý Pallet Quá Khổ

Phụ phí xử lý pallet quá khổ 5,875,000 VND mỗi pallet cũng sẽ được áp dụng cho các dịch vụ của Freight Worldwide Express Freight khi kích thước của pallet vượt quá giới hạn kích thước hoặc trọng lượng (thay đổi tùy theo điểm đến và điểm đến) theo quy định tại [ups.com/assets/resources/media/wwef_max_dim.pdf](https://www.ups.com/assets/resources/media/wwef_max_dim.pdf).

Phụ phí Lỗi sai địa chỉ

Một khoản phụ phí 286,700 VND cho mỗi gói hàng hoặc tối đa 822,500 VND cho một lô hàng có thể được tính cho người gửi hàng nếu không thể giao hàng được do sai địa chỉ, hoặc do địa chỉ nhận hàng là hộp thư bưu điện.

Phụ phí nhiên liệu

Để biết thêm thông tin về phí nhiên liệu hiện hành, vui lòng tham khảo website [ups.com](https://www.ups.com)®.

Yêu Cầu có Chữ Ký Xác Nhận Giao Hàng và Yêu Cầu có Chữ Ký Người Trưởng Thành Xác Nhận Giao Hàng

Các dịch vụ Xác Nhận Giao Hàng của UPS** khả dụng trước khi phát lô hàng của bạn.

Cả hai dịch vụ sẽ yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ UPS lấy chữ ký trước khi phát hàng. Tuy nhiên, với dịch vụ Yêu Cầu có Chữ Ký Người Trưởng Thành Xác Nhận Giao Hàng, UPS sẽ chỉ phát hàng cho người lớn (ít nhất 21 tuổi*) và có thể yêu cầu giấy tờ có dán ảnh do chính phủ cấp để xác minh độ tuổi. UPS sẽ lấy chữ ký từ người nhận trưởng thành và cung cấp bản in xác nhận giao hàng có chữ ký.

Một phụ phí 51,700 VND và 70,500 VND sẽ áp dụng trên mỗi lô hàng sử dụng dịch vụ Yêu Cầu có Chữ Ký Xác Nhận Giao Hàng và Yêu Cầu có Chữ Ký Người Trưởng Thành Xác Nhận Giao Hàng tương ứng.

Phụ phí chuyển thuế Hải quan

Khi lựa chọn hình thức thanh toán “Phụ phí chuyển thuế Hải quan”, người gửi hàng phải thanh toán thêm một khoản phụ phí 352,500 VND.

Phụ phí Giao hàng vào ngày thứ bảy

Dịch vụ giao hàng vào thứ bảy được cung cấp với một khoản phụ phí 258,500 VND cho mỗi UPS Express Envelope hoặc cho mỗi lô hàng UPS Express Paks và các gói hàng. Phí này sẽ được tính cho bên chịu phí vận chuyển.

UPS Worldwide Express Freight cung cấp dịch vụ Giao Hàng Vào Thứ Bảy đến các điểm đến chọn lọc tại Hoa Kỳ và Canada với một khoản phí bổ sung là 5,170,000 VND mỗi lô hàng.

Phụ phí người nhận hàng/người thanh toán từ chối thanh toán

Số tài khoản sẽ vô hiệu nếu không phải là số tài khoản chính xác của bên thanh toán, hoặc là số tài khoản của người nhận hàng hoặc bên thứ ba không thanh toán phí vận chuyển. Một khoản phí 235,000 VND sẽ được áp dụng cho các lô hàng quốc tế mà số tài khoản không có hiệu lực.

Phí lập lại hóa đơn

Một khoản phí 235,000 VND đồng được áp dụng cho mỗi yêu cầu sửa đổi hưởng dẫn thanh toán hóa đơn UPS, chẳng hạn như thay đổi tùy chọn thanh toán, tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng để thanh toán, v.v.

Giá trị tối đa

Giá trị tối đa cho một gói hàng vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không là 1,175,000,000 VND và trách nhiệm tối đa của hãng vận chuyển là 1,175,000,000 VND. Đồ trang sức (ngoại trừ trang sức giả) bị giới hạn ở giá trị tối đa là 11,750,000 VND cho mỗi gói hàng.

Phụ phí khu dân cư

UPS cung cấp dịch vụ giao hàng đến địa chỉ khu dân cư cũng như địa chỉ kinh doanh. Giao hàng tại khu dân cư là dịch vụ được thực hiện tại nhà, bao gồm cả hoạt động kinh doanh bên ngoài nhà. Đối với dịch vụ giao hàng tại khu dân cư, một khoản phí bổ sung 89,300 VND sẽ được áp dụng cho mỗi lô hàng. Với UPS Worldwide Express Freight sẽ là 2,843,500 VND trên mỗi lô hàng.

Phụ phí Khu vực mở rộng

UPS cung cấp dịch vụ giao nhận hàng ở khu vực mở rộng cũng như khu đô thị. Một khoản phụ phí 611,000 VND cho một lô hàng hoặc 9,400 VND cho một kg, tùy thuộc mức nào lớn hơn, sẽ được tính thêm cho những lô hàng được nhận hoặc phát tại khu vực mở rộng. Để tải danh sách các điểm áp dụng phụ phí Khu vực mở rộng, vui lòng truy cập [ups.com/vn](https://www.ups.com/vn).

Phụ phí Vùng sâu vùng xa

Một khoản phụ phí 681,500 VND cho một lô hàng hoặc 9,400 VND cho một kg, tùy thuộc mức nào lớn hơn, sẽ được tính bổ sung cho các lô hàng được phát hoặc đến nhận tại một số điểm nằm ngoài khu vực mở rộng của UPS và khó tiếp cận cho việc nhận hoặc phát hàng. Để tải danh sách các điểm áp dụng phụ phí Vùng sâu vùng xa, vui lòng truy cập [ups.com/vn](https://www.ups.com/vn).

* UPS, trên cơ sở toàn quyền quyết định, có quyền áp dụng Phụ phí Xử lý cho bất kỳ gói hàng nào đòi hỏi xử lý đặc biệt.

** Chỉ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng sử dụng hệ thống vận chuyển phù hợp của UPS để tạo ra những nhân thông minh.

+ UPS không chịu trách nhiệm cho việc thiếu chính xác khi đánh giá tuổi.

Lưu ý:
Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website [ups.com](https://www.ups.com)®.

Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Phụ phí khác

Phụ phí gói hàng có kích thước lớn – Trọng lượng tính phí tối thiểu (MBW)

Một gói hàng được xem là “gói hàng có kích thước lớn” khi tổng chiều dài của gói hàng cộng với chu vi (2 x rộng) + (2 x cao) lớn hơn 300 cm, nhưng không vượt quá kích thước tối đa của UPS là 400 cm.

Gói hàng có kích thước lớn có trọng lượng tính cước tối thiểu là 40 kg và phải chịu mức phí là 1,410,000 VND cho mỗi gói hàng.

Phụ phí xử lý hàng sẽ không được tính khi gói hàng đã áp dụng phụ phí gói hàng có kích thước lớn.

Phí Vượt quá giới hạn tối đa

Dịch vụ UPS cho các gói hàng nhỏ không chấp nhận lô hàng vượt quá trọng lượng và kích thước nêu dưới đây. Nếu trên cơ sở toàn quyền quyết định, UPS không chấp nhận các lô hàng vượt quá những giới hạn tối đa, một khoản phí Vượt quá giới hạn tối đa 4,700,000 VND sẽ được áp dụng đối với mỗi gói hàng vượt quá các giới hạn sau:

- Trọng lượng tối đa cho một gói hàng là 70 kg
- Chiều dài tối đa cho một gói hàng là 274 cm
- Kích thước tối đa cho một gói hàng có tổng là 400 cm gồm chiều dài cộng với chu vi [(2 x chiều rộng) + (2 x chiều cao)]

UPS Import Control^{®**}

Dịch vụ này cung cấp cho nhà nhập khẩu của quý khách nhân vận chuyển và hóa đơn thương mại để đính kèm với lô hàng nhập khẩu. Tùy theo sự lựa chọn của quý khách, nhân và hóa đơn thương mại được gửi bởi nhân viên giao nhận UPS khi nhận hàng, hoặc bằng thư điện tử, thư tín hoặc được in. Dịch vụ này cho phép nhà nhập khẩu kiểm soát được việc tạo nhân hàng, hóa đơn thương mại và việc thanh toán. Dịch vụ nhập khẩu UPS hiện có :

Nhân in

Quý khách tạo nhân và đính kèm nó với lô hàng xuất ra nước ngoài hoặc bạn gửi nhân riêng cho khách hàng để tự khách hàng áp nhân cho gói hàng.
Mức phí : 23,500 VND

Nhân điện tử

Nhân hàng thư điện tử UPS áp dụng trong trường hợp quý khách yêu cầu khách hàng tự in nhân trả hàng và dán nhân lên gói hàng.
Mức phí: 32,900 VND

Phí dịch vụ Loại bỏ hóa đơn thương mại^{**}

Cung cấp cho nhà nhập khẩu lựa chọn loại bỏ hóa đơn thương mại khỏi lô hàng kiểm soát nhập khẩu trước khi giao hàng. Dịch vụ này cung cấp cho nhà nhập khẩu sự linh hoạt về lộ trình vận chuyển hàng trực tiếp tới người mua nhưng vẫn giữ được bí mật giá trị của hàng hóa
Mức phí : 470,000 VND cho mỗi lô hàng

Phí dịch vụ UPS Carbon Neutral[†]

Để bù đắp tác động khí hậu đối với việc chuyển hàng thông qua dịch vụ UPS carbon neutral. Khi quý khách lựa chọn dịch vụ UPS carbon neutral, trong quá trình chuẩn bị chuyển hàng, UPS sẽ mua khoản đền bù cho việc giảm khí thải CO₂ được thải ra trong quá trình vận chuyển lô hàng của bạn.
Mức phí : 14,100 VND cho mỗi gói hàng

Các dịch vụ UPS Worldwide Express Freight Services sẽ được tính ở 470,000 VND mỗi pallet.

Giao Hàng Lại

Một lần giao hàng lại đã được tính vào phí. Những lần giao hàng lại bổ sung sẽ được tính ở mức 1,128,000 VND mỗi lô hàng thuộc dịch vụ UPS Worldwide Express Freight Services.

Phí Hàng Cấm

Các lô hàng được đưa tới UPS vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật và quy định hiện hành hoặc các điều khoản và điều kiện của UPS hay dịch vụ theo hợp đồng (bao gồm, nhưng không giới hạn, các lô hàng bị cấm hoặc các lô hàng mà UPS không chấp nhận hoặc thường xuyên cung cấp dịch vụ mà không có ngoại lệ, ví dụ như hàng hóa nguy hiểm và vật liệu độc hại), đều phải chịu khoản phí 3,525,000 VND mỗi gói hàng. Khoản phí này là khách quan và bổ sung trách nhiệm của người gửi hàng cho tất cả các khoản tiền khác mà UPS có thể phải chịu và các khiếu nại chống lại UPS là kết quả của việc vi phạm hoặc không tuân thủ.

Phí Trả Trước Thuế Nhập Khẩu

Nhằm đẩy nhanh quy trình thông quan, UPS có thể trả trước thuế nhập khẩu cho khách hàng và tính một khoản phí dựa trên khoản tiền được ứng trước. Phí Trả Trước Thuế Nhập Khẩu vào Việt Nam sẽ là 2% trên tổng thuế nhập khẩu, với mức tối thiểu là 178,600 VND trên mỗi lô hàng.

Phí lưu kho

Phí lưu kho được tính tối thiểu 168,750 VND mỗi lô hàng mỗi ngày hoặc 2,750 VND mỗi kg hàng mỗi ngày, tùy theo điều kiện nào cao hơn, sẽ áp dụng nếu hàng hóa chưa được thông quan trong vòng ba ngày kể từ ngày hàng về đến kho UPS (không kể các ngày cuối tuần và các ngày nghỉ lễ). Phí lưu kho sẽ được tính từ ngày thứ 4 nếu bị chậm trễ khi thông quan mà không phải do lỗi của UPS.

* Dịch vụ Import Control chỉ áp dụng ở những quốc gia có dịch vụ nhận hàng của UPS.

Chỉ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng sử dụng hệ thống vận chuyển phù hợp của UPS để tạo ra nhân thông minh.

Lưu ý:
Các điều kiện và hạn chế, bao gồm Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com[®].

Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả về dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi ở số điện thoại 1800 588 877.

Bao bì UPS

UPS Express Envelope

Được thiết kế cho thư từ và tài liệu khẩn không quá 0,5 kg. Không cần giấy tờ xuất khẩu đối với các kiện hàng đến các quốc gia khác.

Kích cỡ: 34 cm x 25 cm



UPS Express Pak

Lý tưởng cho việc chuyển phát các vật phẩm phẳng, không dễ vỡ bao gồm các lô hàng chứa tài liệu nặng. Cước phí được tính trên trọng lượng* và vùng gửi đến. Phải có chứng từ xuất khẩu.

Kích cỡ: 40,5 cm x 32,5 cm
51 cm x 43 cm



Express Box

Kích cỡ: Nhỏ: 27,6 cm x 5,1 cm x 31,8 cm
Lớn: 31,8 cm x 7,6 cm x 44,5 cm



Express Tube

Kích cỡ: 15,2 cm x 15,2 cm x 15,2 cm x 96,5 cm



UPS 10 KG Box® và UPS 25 KG Box®

Thùng này được sử dụng cho các lô hàng UPS Worldwide Express và UPS Worldwide Express Saver®. Phải kèm theo chứng từ xuất khẩu. Cước phí dựa trên cước phí cố định và vùng gửi đến.

Kích cỡ: Thùng UPS 10 KG: 42 cm x 34 cm x 27 cm (Trọng lượng tối đa 15 kg)
Thùng UPS 25 KG: 50 cm x 45 cm x 34 cm (Trọng lượng tối đa 30 kg)



* Trọng lượng khối áp dụng cho các lô hàng quốc tế

Lưu ý:

Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả về dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ chuyển phát nhanh UPS

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Afghanistan	-	-	9	9	10	10	10	-
Aland Island (Finland)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Albania	9	9	9	9	10	10	10	-
Algeria	-	9	9	9	10	10	10	-
American Samoa	-	7	7	7	4	4	4	-
Andorra	-	7	7	7	-	-	-	-
Angola	-	-	8	8	10	10	10	-
Anguilla	-	-	8	8	9	9	9	-
Antigua and Barbuda	-	-	8	8	9	9	9	-
Argentina*	-	8	8	8	9	9	9	9
Armenia	7	7	7	7	10	10	10	-
Aruba	-	8	8	8	9	9	9	-
Australia#	-	-	3	3	3	3	3	3
Austria*	6	6	6	6	6	6	6	6
Azerbaijan	-	-	7	7	10	10	10	-
Azores (Portugal)*	-	-	7	7	8	8	8	-
Bahamas*	-	8	8	8	9	9	9	-
Bahrain	7	7	7	7	10	10	10	10
Bangladesh	-	4	4	4	4	4	4	-
Barbados	-	8	8	8	9	9	9	-
Belarus/ Byelorussia*	7	7	7	7	10	10	10	-
Belgium	6	6	6	6	6	6	6	6
Belize	-	-	8	8	-	-	-	-
Benin	-	-	9	9	10	10	10	-
Bermuda	-	8	8	8	9	9	9	-
Bhutan	-	4	4	4	4	4	4	-
Bolivia	-	8	8	8	9	9	9	-
Bonaire, St. Eustatius, Saba	-	-	8	8	9	9	9	-
Bosnia and Herzegovina	7	7	7	7	10	10	10	-
Botswana	-	-	9	9	10	10	10	-
Brazil*	8	8	8	8	8	8	8	8
British Virgin Islands	-	-	8	8	9	9	9	-

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Brunei*	-	2	2	2	4	4	4	-
Buesingen (Germany)*	-	-	6	6	-	-	-	-
Bulgaria	7	7	7	7	10	10	10	10
Burkina Faso	-	-	9	9	10	10	10	-
Burundi	-	-	9	9	9	9	9	-
Cambodia*	-	3	3	3	4	4	4	-
Cameroon	-	-	9	9	10	10	10	-
Campione/ Lake Lugano (Italy)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Canada*	5	5	5	5	5	5	5	5
Canary Islands (Spain)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Cape Verde	-	-	9	9	10	10	10	-
Cayman Islands	-	-	8	8	9	9	9	-
Central African Republic	-	-	9	9	-	-	-	-
Ceuta (Spain)*	-	-	6	6	-	-	-	-
Chad	-	-	9	9	10	10	10	-
Chile*	-	8	8	8	8	8	8	8
China Mainland (Excluding Southern China Mainland)**	3	3	3	3	3	3	3	3
Southern China Mainland***	10	10	10	10	11	11	11	11
Colombia*	-	8	8	8	9	9	9	9
Comoros	-	-	9	9	10	10	10	-
Congo (Brazzaville)	-	-	9	9	10	10	10	-
Congo, Democratic Republic of	-	-	9	9	10	10	10	-
Cook Islands	-	-	7	7	-	-	-	-
Costa Rica*	-	-	8	8	6	6	6	6
Cote d'Ivoire (Ivory Coast)	-	-	9	9	10	10	10	-
Croatia*	-	7	7	7	10	10	10	10
Curacao	-	8	8	8	9	9	9	-
Cyprus	7	7	7	7	10	10	10	-
Czech Republic*	7	7	7	7	8	8	8	8
Denmark*	6	6	6	6	6	6	6	6
Djibouti	-	-	9	9	10	10	10	-

Chuyển Phát Quốc Tế:

Truy cập ups.com® hoặc Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/ điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com® hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

+ Southern China Mainland chỉ bao gồm các tỉnh Phúc Kiến, Hải Nam, Hồ Nam, Vân Nam, Giang Tây, Quảng

Tây, Quảng Đông và thành phố Trùng Khánh.

UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/ xuất khẩu.

Lưu ý: Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ chuyển phát nhanh UPS

(Tiếp tục)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Dominica	-	-	8	8	9	9	9	-
Dominican Republic*	-	8	8	8	9	9	9	9
Ecuador*	-	8	8	8	9	9	9	9
Egypt	-	7	7	7	10	10	10	10
El Salvador*	-	-	8	8	9	9	9	9
England (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Equatorial Guinea	-	-	-	-	-	-	-	-
Eritrea	-	-	9	9	10	10	10	-
Estonia	-	7	7	7	10	10	10	10
Ethiopia	-	-	9	9	10	10	10	-
Faroe Islands	-	-	6	6	-	-	-	-
Fiji	-	7	7	7	4	4	4	-
Finland*	-	6	6	6	6	6	6	6
France*	6	6	6	6	6	6	6	6
French Guiana	-	8	8	8	-	-	-	-
French Polynesia	-	-	7	7	4	4	4	-
Gabon	-	-	9	9	10	10	10	-
Gambia	-	9	9	9	10	10	10	-
Georgia*	9	9	9	9	10	10	10	-
Germany*	6	6	6	6	6	6	6	6
Ghana	-	-	9	9	10	10	10	-
Gibraltar	-	-	7	7	7	7	7	-
Greece*	-	7	7	7	6	6	6	6
Greenland	-	-	6	6	-	-	-	-
Grenada	-	-	8	8	9	9	9	-
Guadeloupe*	-	8	8	8	9	9	9	-
Guam	-	7	7	7	4	4	4	-
Guatemala*	-	8	8	8	9	9	9	9
Guernsey (Channel Islands)	-	7	7	7	10	10	10	10
Guinea	-	-	9	9	10	10	10	-
Guinea-Bissau	-	-	9	9	10	10	10	-

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Guyana*	-	-	8	8	9	9	9	-
Haiti*	-	-	8	8	9	9	9	9
Heligoland (Germany)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Honduras*	-	8	8	8	7	7	7	7
Hong Kong SAR, China*	1	1	1	1	-	-	2	2
Hungary*	7	7	7	7	8	8	8	8
Iceland	-	7	7	7	6	6	6	-
India*	4	4	4	4	2	2	2	2
Indonesia**	-	2	2	2	2	2	2	2
Iraq	-	-	7	7	-	-	-	-
Ireland, Republic of	6	6	6	6	6	6	6	6
Israel	-	9	9	9	10	10	10	10
Italy*	6	6	6	6	6	6	6	6
Jamaica*	-	8	8	8	9	9	9	-
Japan**	-	3	3	3	3	3	3	3
Jersey (Channel Islands)	-	7	7	7	10	10	10	10
Jordan	-	9	9	9	10	10	10	-
Kazakhstan*	-	7	7	7	10	10	10	10
Kenya	-	9	9	9	10	10	10	10
Kirghizia (Kyrgyzstan)	-	7	7	7	10	10	10	-
Kiribati	-	-	7	7	-	-	-	-
Korea, South*	-	3	3	3	1	1	1	1
Kosovo	9	9	9	9	10	10	10	-
Kosrae (Micronesia, Federated States of)	-	-	7	7	-	-	-	-
Kuwait	7	7	7	7	10	10	10	10
Laos	-	3	3	3	4	4	4	-
Latvia	-	7	7	7	10	10	10	10
Lebanon	-	9	9	9	10	10	10	-
Lesotho	-	-	9	9	9	9	9	-
Liberia	-	-	9	9	10	10	10	-
Libyan Arab Jamahiriya	-	-	9	9	10	10	10	-

Chuyển Phát Quốc Tế:
Truy cập ups.com® hoặc liên hệ với Đại diện dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí Vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com® hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/xuất khẩu.

Lưu ý:
Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ chuyển phát nhanh UPS

(Tiếp tục)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Liechtenstein*	-	6	6	6	6	6	6	-
Lithuania	-	7	7	7	10	10	10	10
Livigno (Italy)*	-	-	6	6	6	6	6	-
Luxembourg	6	6	6	6	6	6	6	6
Macau SAR, China [‡]	-	2	2	2	-	-	2	2
Macedonia (FYROM)	9	9	9	9	10	10	10	-
Madagascar	-	9	9	9	10	10	10	-
Madeira (Portugal)*	-	-	7	7	8	8	8	-
Malawi	-	9	9	9	10	10	10	-
Malaysia* [‡]	-	2	2	2	2	2	2	2
Maldives	-	4	4	4	-	-	10	10
Mali	-	-	9	9	10	10	10	-
Malta	-	7	7	7	10	10	10	-
Marshall Islands	-	-	7	7	-	-	-	-
Martinique	-	-	8	8	9	9	9	-
Mauritania	-	9	9	9	10	10	10	-
Mauritius	-	9	9	9	10	10	10	-
Mayotte	-	-	9	9	10	10	10	-
Melilla (Spain)*	-	-	6	6	-	-	-	-
Mexico*	5	5	5	5	5	5	5	5
Micronesia, Federated States of	-	7	7	7	-	-	-	-
Moldova*	9	9	9	9	10	10	10	-
Monaco (France)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Mongolia	-	-	4	4	3	3	3	-
Montenegro	9	9	9	9	10	10	10	-
Montserrat	-	-	8	8	9	9	9	-
Morocco	-	9	9	9	10	10	10	10
Mount Athos (Greece)*	-	-	7	7	6	6	6	-
Mozambique	-	-	9	9	9	9	9	-
Myanmar	-	3	3	3	4	4	4	4
Namibia	-	9	9	9	10	10	10	-
Nepal*	-	4	4	4	-	-	4	-

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Netherlands (Holland)*	6	6	6	6	6	6	6	6
New Caledonia	-	7	7	7	4	4	4	-
New Zealand* [‡]	-	3	3	3	3	3	3	3
Nicaragua	-	-	8	8	9	9	9	9
Niger	-	9	9	9	10	10	10	-
Nigeria*	-	9	9	9	10	10	10	10
Norfolk Island (Australia)*	-	-	3	3	-	-	-	-
Northern Ireland (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Northern Mariana Islands*	-	-	7	7	4	4	4	-
Norway*	6	6	6	6	6	6	6	6
Oman	-	7	7	7	10	10	10	10
Pakistan*	-	4	4	4	10	10	10	10
Palau	-	-	7	7	-	-	-	-
Panama*	-	8	8	8	9	9	9	9
Papua New Guinea	-	7	7	7	-	-	-	-
Paraguay	-	-	8	8	9	9	9	-
Peru*	-	-	8	8	9	9	9	9
Philippines* [‡]	-	-	2	2	2	2	2	2
Poland*	7	7	7	7	10	10	10	10
Ponape (Micronesia, Federated States of)	-	-	7	7	-	-	-	-
Portugal*	7	7	7	7	8	8	8	8
Puerto Rico*	-	5	5	5	9	9	9	9
Qatar	-	7	7	7	10	10	10	10
Reunion Island	-	9	9	9	10	10	10	-
Romania	7	7	7	7	10	10	10	10
Rota (Northern Mariana Islands)*	-	-	7	7	4	4	4	-
Russia*	7	7	7	7	10	10	10	10
Rwanda	-	-	9	9	9	9	9	-
Seipan (Northern Mariana Islands)*	-	7	7	7	4	4	4	-
Samoa	-	7	7	7	4	4	4	-
San Marino	-	-	6	6	6	6	6	6
Saudi Arabia	7	7	7	7	10	10	10	10

Chuyển Phát Quốc Tế:
Truy cập ups.com[®] hoặc liên hệ với Đại diện dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí Vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com[®] hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

[‡] UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/xuất khẩu.

Lưu ý:
Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ chuyển phát nhanh UPS

(Tiếp tục)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Scotland (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Senegal	-	9	9	9	10	10	10	-
Serbia	9	9	9	9	10	10	10	-
Seychelles	-	-	9	9	10	10	10	-
Sierra Leone	-	-	9	9	10	10	10	-
Singapore [#]	1	1	1	1	2	2	2	2
Slovakia	7	7	7	7	10	10	10	10
Slovenia	7	7	7	7	10	10	10	10
Solomon Islands	-	7	7	7	-	-	-	-
South Africa*	9	9	9	9	7	7	7	7
Spain*	6	6	6	6	6	6	6	6
Sri Lanka*	-	4	4	4	3	3	3	-
St. Barthelemy	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Christopher (St. Kitts)	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Croix (U.S. Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
St. John (U.S. Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Kitts and Nevis	-	8	8	8	9	9	9	9
St. Lucia	-	8	8	8	9	9	9	9
St. Maarten, St. Martin	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Thomas (U.S. Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
St. Vincent & the Grenadines	-	-	8	8	9	9	9	-
Suriname	-	8	8	8	9	9	9	-
Swaziland	-	-	9	9	9	9	9	-
Sweden*	6	6	6	6	6	6	6	6
Switzerland*	6	6	6	6	6	6	6	6
Tahiti (French Polynesia)	-	7	7	7	4	4	4	-
Taiwan, China**	3	3	3	3	1	1	1	1
Tanzania, United Republic of	-	-	9	9	10	10	10	-
Thailand**	1	1	1	1	1	1	1	1
Timor-Leste	-	-	7	7	-	-	-	-

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất				Vùng nhập			
	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited	Express Plus	Express	Express Saver	Expedited
Tinian (Northern Mariana Islands)*	-	-	7	7	4	4	4	-
Togo	-	-	9	9	10	10	10	-
Tonga	-	-	7	7	-	-	-	-
Tortola (British Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
Trinidad & Tobago*	-	8	8	8	9	9	9	-
Truk (Micronesia, Federated States of)	-	-	7	7	-	-	-	-
Tunisia	-	9	9	9	10	10	10	-
Turkey	7	7	7	7	6	6	6	6
Turkmenistan	-	-	7	-	-	-	10	-
Turks & Caicos Islands	-	-	8	8	-	-	-	-
Tuvalu	-	-	7	7	-	-	-	-
U.S. Virgin Islands	-	-	8	8	9	9	9	-
Uganda	-	-	9	9	10	10	10	-
Ukraine*	7	7	7	7	10	10	10	-
Union Islands (St. Vincent & the Grenadines)	-	-	8	8	9	9	9	-
United Arab Emirates	7	7	7	7	7	7	7	7
United Kingdom*	6	6	6	6	6	6	6	6
United States*	5	5	5	5	5	5	5	5
Uruguay	-	-	8	8	9	9	9	-
Uzbekistan	-	-	7	7	10	10	10	-
Vanuatu	-	7	7	7	-	-	-	-
Vatican City (Italy)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Venezuela*	-	-	8	8	9	9	9	9
Virgin Gorda (British Virgin Islands)	-	-	8	8	9	9	9	-
Wales (United Kingdom)*	-	6	6	6	6	6	6	-
Wallis & Futuna Islands	-	7	7	7	-	-	-	-
Yap (Micronesia, Federated States of)	-	-	7	7	-	-	-	-
Yemen, Republic of	-	-	9	9	10	10	10	-
Zambia	-	-	9	9	10	10	10	-
Zimbabwe	-	-	9	9	10	10	10	-

Chuyển Phát Quốc Tế:
Truy cập ups.com® hoặc liên hệ với Đại diện dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877 để biết thêm thông tin về chuyển phát quốc tế, bao gồm:

- Những lựa chọn về dịch vụ
- Thời gian toàn trình
- Chi tiết về những cam kết
- Những lựa chọn thanh toán
- Ghi chú về dịch vụ
- Phân loại hàng hóa
- Những vật phẩm bị cấm
- Các quốc gia điểm đến/điểm đi cung cấp dịch vụ
- Các Điều Khoản và Điều Kiện về Dịch Vụ của UPS.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí Vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com® hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

UPS Worldwide Expedited là dịch vụ bảo đảm tại quốc gia/vùng lãnh thổ này cho việc nhập khẩu/xuất khẩu.

Lưu ý:
Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Biểu vùng toàn cầu

Dịch vụ UPS Worldwide Express Freight

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Vùng xuất		Vùng nhập	
	WWEF	WWEF Midday	WWEF	WWEF Midday
Argentina*	8	-	9	-
Australia*	3	3	3	-
Austria*	6	6	6	-
Bahrain	7	-	10	-
Bangladesh	4	-	4	-
Belgium	6	6	6	-
Brazil*	8	-	8	-
Bulgaria	-	-	10	-
Canada*	5	5	5	-
Chile*	8	8	8	-
China Mainland (Excluding Southern China Mainland)*	3	-	3	-
Southern China Mainland**	10	-	11	-
Colombia*	8	-	9	-
Costa Rica*	8	8	6	-
Croatia	-	-	10	-
Czech Republic*	7	7	8	-
Denmark*	6	6	6	-
Dominican Republic*	8	-	9	-
Ecuador*	8	-	9	-
El Salvador*	8	-	9	-
Finland*	6	6	6	-
France*	6	6	6	-
Germany*	6	6	6	-
Greece*	7	7	6	-
Guatemala*	8	-	9	-
Honduras*	8	-	7	-
Hong Kong SAR, China	1	1	2	-
Hungary*	7	7	8	-
India*	4	4	2	-
Indonesia*	2	-	2	-
Ireland, Republic of	6	6	6	-
Israel	9	9	10	-
Italy*	6	6	6	-
Japan*	3	3	3	-
Korea, South	3	3	1	-
Kuwait	7	-	-	-
Lebanon	9	9	10	-

Country/Territory	Vùng xuất		Vùng nhập	
	WWEF	WWEF Midday	WWEF	WWEF Midday
Liechtenstein*	6	-	6	-
Luxembourg	6	-	6	-
Malaysia*	2	2	2	-
Malta	7	-	10	-
Mexico*	5	5	5	-
Morocco	9	-	10	-
Netherlands (Holland)*	6	6	6	-
New Zealand*	3	-	3	-
Nicaragua	8	-	9	-
Nigeria*	9	9	10	-
Norway*	6	-	6	-
Oman	7	7	10	-
Pakistan	4	-	10	-
Panama*	8	-	9	-
Philippines*	2	-	2	-
Poland*	7	7	10	-
Portugal*	7	7	8	-
Puerto Rico*	5	5	9	-
Qatar	7	-	10	-
Romania	-	-	10	-
Saudi Arabia	7	-	10	-
Serbia	-	-	10	-
Singapore	1	-	2	-
Slovakia	7	-	10	-
Slovenia	7	7	-	-
South Africa	9	-	7	-
Spain*	6	6	6	-
Sri Lanka	4	-	3	-
Sweden*	6	6	6	-
Switzerland*	6	6	6	-
Taiwan, China*	3	3	1	-
Thailand*	1	1	1	-
Tunisia	9	-	10	-
Turkey	7	7	6	-
United Arab Emirates	7	7	7	-
United Kingdom*	6	6	6	-
United States*	5	5	5	-

* Southern China Mainland chỉ bao gồm các tỉnh Phúc Kiến, Hải Nam, Hồ Nam, Vân Nam, Giang Tây, Quảng Tây, Quảng Đông và thành phố Trùng Khánh.

* Phụ phí Khu vực mở rộng hoặc Phụ phí vùng sâu, vùng xa có thể được áp dụng cho các điểm cụ thể trong quốc gia này. Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập ups.com® hoặc liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi theo số 1800 588 877

Lưu ý:
Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi ở số điện thoại 1800 588 877.

Export – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Express

Đối với tất cả các lô hàng khẩn cấp, UPS Worldwide Express đảm bảo giao hàng trước 10:30 sáng, 12 giờ trưa, 2 giờ chiều hoặc 3 giờ chiều tới hầu hết các khu vực thuộc Hoa Kỳ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương, một số khu vực xác định ở Châu Mỹ và các thành phố lớn ở Canada.*

UPS Worldwide Express Plus

Đối với tất cả lô hàng rất khẩn cấp định thời gian phát hàng, UPS Worldwide Express Plus đảm bảo giao hàng trước 8:00 / 8:30 sáng tới hầu hết các thành phố chính tại Hoa Kỳ, 8:30 sáng đối với hàng đến Canada, 9:00 sáng đến các thành phố chính ở Châu Á, trên 4.000 thành phố của Hoa Kỳ và các trung tâm kinh tế chính tại Châu Âu.

Thêm 940,000 VND vào giá của UPS Worldwide Express tương ứng cho mỗi lô hàng sử dụng UPS Worldwide Express Plus.

Đối với lô hàng là tài liệu có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express cho chuyển phát hàng hóa.

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

+ Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg đối với tài liệu kèm trong phong bì Express Envelope. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:

Những Thay Đổi Trong Tương Lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Phong bì và Chứng từ Chuyển phát nhanh UPS

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Phong bì +	1,193,800	1,301,900	1,325,400	1,433,500	1,800,100	1,720,200	1,927,000	2,082,100	2,298,300	1,090,400
0.5	1,193,800	1,301,900	1,325,400	1,433,500	1,800,100	1,720,200	1,927,000	2,082,100	2,298,300	1,090,400
1.0	1,339,500	1,442,900	1,569,800	1,663,800	2,194,900	2,096,200	2,411,100	2,547,400	2,777,700	1,264,300
1.5	1,475,800	1,588,600	1,818,900	1,908,200	2,594,400	2,476,900	2,885,800	2,993,900	3,266,500	1,400,600
2.0	1,626,200	1,729,600	2,063,300	2,124,400	2,998,600	2,852,900	3,360,500	3,449,800	3,755,300	1,513,400
2.5	1,762,500	1,884,700	2,307,700	2,373,500	3,398,100	3,228,900	3,844,600	3,905,700	4,244,100	1,645,000
3.0	1,912,900	2,044,500	2,632,000	2,711,900	3,811,700	3,642,500	4,258,200	4,328,700	4,732,900	1,771,900
3.5	2,058,600	2,209,000	2,867,000	2,989,200	4,215,900	4,051,400	4,671,800	4,765,800	5,221,700	1,922,300
4.0	2,194,900	2,378,200	3,092,600	3,233,600	4,620,100	4,465,000	5,080,700	5,207,600	5,710,500	2,063,300
4.5	2,345,300	2,542,700	3,327,600	3,482,700	5,019,600	4,878,600	5,494,300	5,640,000	6,199,300	2,209,000
5.0	2,491,000	2,632,000	3,548,500	3,736,500	5,428,500	5,287,500	5,922,000	6,063,000	6,674,000	2,350,000

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
0.5	1,306,600	1,433,500	1,569,800	1,654,400	1,912,900	1,856,500	2,058,600	2,171,400	2,415,800	1,292,500
1.0	1,447,600	1,583,900	1,814,200	1,884,700	2,321,800	2,274,800	2,538,000	2,650,800	2,965,700	1,433,500
1.5	1,593,300	1,729,600	2,058,600	2,110,300	2,726,000	2,711,900	3,008,000	3,134,900	3,515,600	1,612,100
2.0	1,734,300	1,884,700	2,303,000	2,340,600	3,125,500	3,130,200	3,492,100	3,623,700	4,074,900	1,762,500
2.5	1,889,400	2,025,700	2,552,100	2,570,900	3,534,400	3,543,800	3,971,500	4,103,100	4,624,800	1,922,300
3.0	2,002,200	2,157,300	2,801,200	2,810,600	3,919,800	3,901,000	4,446,200	4,582,500	5,108,900	2,072,700
3.5	2,143,200	2,288,900	3,040,900	3,050,300	4,305,200	4,230,000	4,925,600	5,066,600	5,588,300	2,223,100
4.0	2,260,700	2,420,500	3,275,900	3,285,300	4,695,300	4,587,200	5,405,000	5,555,400	6,072,400	2,373,500
4.5	2,387,600	2,547,400	3,525,000	3,548,500	5,080,700	4,949,100	5,884,400	6,034,800	6,561,200	2,523,900
5.0	2,509,800	2,679,000	3,769,400	3,774,100	5,470,800	5,311,000	6,368,500	6,514,200	7,035,900	2,669,600
5.5	2,617,900	2,768,300	3,995,000	4,004,400	5,804,500	5,658,800	6,782,100	6,923,100	7,487,100	2,796,500
6.0	2,716,600	2,871,700	4,225,300	4,248,800	6,133,500	5,997,200	7,200,400	7,346,100	7,943,000	2,914,000
6.5	2,810,600	2,975,100	4,450,900	4,497,900	6,467,200	6,340,300	7,609,300	7,755,000	8,394,200	3,040,900
7.0	2,904,600	3,069,100	4,676,500	4,747,000	6,796,200	6,692,800	8,022,900	8,173,300	8,836,000	3,153,700
7.5	3,003,300	3,163,100	4,906,800	4,991,400	7,129,900	7,031,200	8,431,800	8,586,900	9,291,900	3,275,900
8.0	3,083,200	3,266,500	5,141,800	5,221,700	7,435,400	7,322,600	8,807,800	9,005,200	9,743,100	3,398,100
8.5	3,158,400	3,360,500	5,362,700	5,452,000	7,731,500	7,571,700	9,188,500	9,418,800	10,194,300	3,515,600
9.0	3,238,300	3,463,900	5,588,300	5,682,300	7,933,600	7,910,100	9,569,200	9,832,400	10,640,800	3,633,100
9.5	3,308,800	3,557,900	5,818,600	5,917,300	8,140,400	8,168,600	9,945,200	10,246,000	11,101,400	3,755,300
10.0	3,374,600	3,656,600	6,048,900	6,142,900	8,347,200	8,431,800	10,325,900	10,664,300	11,547,900	3,872,800
10.5	3,426,300	3,760,000	6,161,700	6,312,100	8,474,100	8,666,800	10,716,000	11,087,300	11,956,800	4,018,500
11.0	3,487,400	3,863,400	6,288,600	6,476,600	8,619,800	8,859,500	11,059,100	11,491,500	12,379,800	4,093,700
11.5	3,539,100	3,962,100	6,392,000	6,641,100	8,756,100	9,061,600	11,402,200	11,909,800	12,788,700	4,164,200
12.0	3,595,500	4,056,100	6,509,500	6,815,000	8,892,400	9,254,300	11,754,700	12,332,800	13,202,300	4,244,100
12.5	3,647,200	4,154,800	6,627,000	6,974,800	9,033,400	9,451,700	12,008,500	12,737,000	13,620,600	4,314,600
13.0	3,698,900	4,248,800	6,725,700	7,129,900	9,099,200	9,616,200	12,271,700	13,080,100	13,963,700	4,389,800
13.5	3,741,200	4,352,200	6,829,100	7,270,900	9,165,000	9,776,000	12,525,500	13,423,200	14,306,800	4,465,000
14.0	3,792,900	4,446,200	6,923,100	7,416,600	9,235,500	9,945,200	12,779,300	13,756,900	14,659,300	4,544,900
14.5	3,835,200	4,530,800	7,026,500	7,538,800	9,301,300	10,105,000	13,037,800	14,100,000	15,002,400	4,620,100
15.0	3,882,200	4,615,400	7,129,900	7,651,600	9,371,800	10,269,500	13,296,300	14,433,700	15,336,100	4,685,900
15.5	3,924,500	4,681,200	7,200,400	7,712,700	9,437,600	10,372,900	13,456,100	14,753,300	15,688,600	4,765,800
16.0	3,976,200	4,761,100	7,275,600	7,773,800	9,503,400	10,462,200	13,615,900	15,077,600	16,031,700	4,836,300
16.5	4,013,800	4,836,300	7,360,200	7,830,200	9,573,900	10,560,900	13,775,700	15,397,200	16,374,800	4,916,200
17.0	4,065,500	4,916,200	7,426,000	7,896,000	9,644,400	10,659,600	13,940,200	15,716,800	16,713,200	4,986,700
17.5	4,112,500	4,996,100	7,505,900	7,957,100	9,714,900	10,758,300	14,104,700	16,036,400	17,065,700	5,066,600
18.0	4,145,400	5,052,500	7,567,000	8,022,900	9,785,400	10,824,100	14,198,700	16,332,500	17,286,600	5,085,400
18.5	4,173,600	5,123,000	7,637,500	8,074,600	9,855,900	10,885,200	14,288,000	16,619,200	17,512,200	5,170,000
19.0	4,201,800	5,179,400	7,693,900	8,145,100	9,926,400	10,955,700	14,386,700	16,915,300	17,747,200	5,245,200
19.5	4,234,700	5,235,800	7,750,300	8,206,200	9,982,800	11,021,500	14,485,400	17,197,300	17,963,400	5,329,800
20.0	4,253,500	5,311,000	7,825,500	8,272,000	10,058,000	11,092,000	14,593,500	17,484,000	18,189,000	5,405,000

Export – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Dành cho lô hàng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ trường hợp áp dụng Deficit Weight*)										
21-44	192,700	244,400	347,800	361,900	493,500	507,600	690,900	836,600	860,100	225,600
45-70	183,300	239,700	329,000	343,100	488,800	498,200	676,800	831,900	846,000	216,200
71-99	169,200	225,600	310,200	310,200	474,700	470,000	648,600	803,700	817,800	178,600
100-299	169,200	220,900	305,500	305,500	470,000	465,300	643,900	794,300	808,400	178,600
300 and above	164,500	216,200	296,100	300,800	446,500	460,600	634,500	775,500	784,900	173,900

UPS 10 KG Box® và UPS 25 KG Box®

UPS 10 KG Box (42cm x 34cm x 27cm)

Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 10 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Giá Cố Định	Tính thêm cho từng kg tới 15 kg	Dành cho lô hàng nặng trên 15 kg
Vùng 1	2,166,700	230,300	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express 25 KG Box
Vùng 2	2,528,600	253,800	
Vùng 3	3,440,400	352,500	
Vùng 4	3,506,200	352,500	
Vùng 5	5,541,300	423,000	
Vùng 6	5,311,000	399,500	
Vùng 7	8,535,200	498,200	
Vùng 8	8,643,300	502,900	
Vùng 9	8,643,300	502,900	
Vùng 10	2,387,600	249,100	

UPS 25 KG Box (50cm x 45cm x 34cm)

Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 25 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Giá Cố Định	Tính thêm cho từng kg tới 30 kg	Dành cho lô hàng nặng trên 30 kg
Vùng 1	3,962,100	235,000	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express cho vận chuyển hàng hóa
Vùng 2	4,845,700	258,500	
Vùng 3	6,363,800	361,900	
Vùng 4	6,523,600	361,900	
Vùng 5	8,967,600	455,900	
Vùng 6	8,492,900	404,200	
Vùng 7	12,769,900	507,600	
Vùng 8	13,310,400	512,300	
Vùng 9	13,310,400	512,300	
Vùng 10	4,601,300	253,800	

Đối với dịch vụ Thùng UPS 10 KG và UPS 25 KG, phí vận chuyển sẽ được tính cho người gửi, lệ phí và thuế sẽ được tính cho người nhận. Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Các Điều Khoản và Điều Khoản Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

* Hộp UPS 10 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 15 kg. Hộp UPS 25 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 30 kg. Khách hàng được khuyến cáo không nên sử dụng vượt quá trọng lượng tối đa đó.

Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:

Những Thay Đổi Trong Tương Lai – Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Bảng tỷ lệ được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Express Saver

Là một sự thay thế kinh tế cho dịch vụ UPS Worldwide Express, UPS Worldwide Express Saver mang đến dịch vụ chuyển phát đảm bảo hoàn tiền* được giao trước thời điểm cuối ngày tới hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Đối với tài liệu chuyển phát có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express Saver cho chuyển phát hàng hóa.

Phong bì và Chứng từ Chuyển phát nhanh UPS

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Phong bì +	1,128,000	1,226,700	1,250,200	1,353,600	1,696,700	1,621,500	1,818,900	1,964,600	2,166,700	1,029,300
0.5	1,128,000	1,226,700	1,250,200	1,353,600	1,696,700	1,621,500	1,818,900	1,964,600	2,166,700	1,029,300
1.0	1,264,300	1,363,000	1,480,500	1,569,800	2,072,700	1,978,700	2,274,800	2,401,700	2,622,600	1,193,800
1.5	1,391,200	1,499,300	1,715,500	1,800,100	2,448,700	2,335,900	2,721,300	2,824,700	3,083,200	1,320,700
2.0	1,532,200	1,630,900	1,945,800	2,002,200	2,829,400	2,693,100	3,172,500	3,252,400	3,543,800	1,428,800
2.5	1,663,800	1,776,600	2,176,100	2,237,200	3,205,400	3,045,600	3,628,400	3,684,800	4,004,400	1,551,000
3.0	1,804,800	1,927,000	2,481,600	2,556,800	3,595,500	3,435,700	4,018,500	4,084,300	4,465,000	1,673,200
3.5	1,941,100	2,082,100	2,702,500	2,820,000	3,976,200	3,821,100	4,408,600	4,497,900	4,925,600	1,814,200
4.0	2,072,700	2,241,900	2,918,700	3,050,300	4,356,900	4,211,200	4,794,000	4,911,500	5,386,200	1,945,800
4.5	2,213,700	2,397,000	3,139,600	3,285,300	4,737,600	4,601,300	5,184,100	5,320,400	5,846,800	2,082,100
5.0	2,345,300	2,491,000	3,351,100	3,515,600	5,118,300	4,991,400	5,583,600	5,729,300	6,302,700	2,218,400

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
0.5	1,231,400	1,353,600	1,480,500	1,560,400	1,804,800	1,753,100	1,941,100	2,049,200	2,279,500	1,217,300
1.0	1,367,700	1,494,600	1,710,800	1,776,600	2,190,200	2,147,900	2,392,300	2,500,400	2,796,500	1,353,600
1.5	1,504,000	1,630,900	1,941,100	1,992,800	2,570,900	2,556,800	2,838,800	2,956,300	3,318,200	1,522,800
2.0	1,635,600	1,776,600	2,171,400	2,209,000	2,946,900	2,951,600	3,294,700	3,416,900	3,844,600	1,663,800
2.5	1,781,300	1,912,900	2,406,400	2,425,200	3,332,300	3,341,700	3,745,900	3,872,800	4,361,600	1,814,200
3.0	1,889,400	2,035,100	2,641,400	2,650,800	3,698,900	3,680,100	4,192,400	4,324,000	4,817,500	1,955,200
3.5	2,021,000	2,157,300	2,867,000	2,876,400	4,060,800	3,990,300	4,648,300	4,779,900	5,273,400	2,096,200
4.0	2,133,800	2,284,200	3,092,600	3,097,300	4,427,400	4,328,700	5,099,500	5,240,500	5,729,300	2,237,200
4.5	2,251,300	2,401,700	3,327,600	3,346,400	4,794,000	4,667,100	5,550,700	5,691,700	6,189,900	2,382,900
5.0	2,368,800	2,528,600	3,557,900	3,562,600	5,160,600	5,010,200	6,006,600	6,147,600	6,636,400	2,519,200
5.5	2,467,500	2,613,200	3,769,400	3,778,800	5,475,500	5,339,200	6,396,700	6,533,000	7,064,100	2,636,700
6.0	2,561,500	2,707,200	3,985,600	4,009,100	5,785,700	5,658,800	6,791,500	6,932,500	7,491,800	2,749,500
6.5	2,650,800	2,805,900	4,197,100	4,244,100	6,100,600	5,983,100	7,176,900	7,317,900	7,919,500	2,867,000
7.0	2,740,100	2,895,200	4,413,300	4,479,100	6,410,800	6,312,100	7,567,000	7,712,700	8,337,800	2,975,100
7.5	2,834,100	2,984,500	4,629,500	4,709,400	6,725,700	6,631,700	7,952,400	8,102,800	8,765,500	3,092,600
8.0	2,909,300	3,083,200	4,850,400	4,925,600	7,012,400	6,909,000	8,309,600	8,497,600	9,193,200	3,205,400
8.5	2,979,800	3,172,500	5,057,200	5,141,800	7,294,400	7,144,000	8,666,800	8,887,700	9,616,200	3,318,200
9.0	3,055,000	3,266,500	5,273,400	5,362,700	7,482,400	7,463,600	9,028,700	9,277,800	10,039,200	3,426,300
9.5	3,120,800	3,355,800	5,489,600	5,583,600	7,679,800	7,708,000	9,381,200	9,667,900	10,471,600	3,543,800
10.0	3,181,900	3,449,800	5,705,800	5,795,100	7,872,500	7,952,400	9,743,100	10,062,700	10,894,600	3,651,900
10.5	3,233,600	3,548,500	5,813,900	5,954,900	7,994,700	8,178,000	10,109,700	10,457,500	11,280,000	3,792,900
11.0	3,290,000	3,642,500	5,931,400	6,110,000	8,131,000	8,356,600	10,434,000	10,842,900	11,679,500	3,863,400
11.5	3,337,000	3,736,500	6,030,100	6,265,100	8,262,600	8,549,300	10,758,300	11,237,700	12,064,900	3,929,200
12.0	3,393,400	3,825,800	6,142,900	6,429,600	8,389,500	8,732,600	11,087,300	11,632,500	12,455,000	4,004,400
12.5	3,440,400	3,919,800	6,251,000	6,580,000	8,521,100	8,915,900	11,327,000	12,017,900	12,849,800	4,070,200
13.0	3,487,400	4,009,100	6,345,000	6,725,700	8,582,200	9,071,000	11,576,100	12,337,500	13,174,100	4,140,700
13.5	3,529,700	4,107,800	6,443,700	6,857,300	8,648,000	9,221,400	11,815,800	12,661,800	13,498,400	4,211,200
14.0	3,576,700	4,192,400	6,533,000	6,998,300	8,713,800	9,381,200	12,055,500	12,976,700	13,827,400	4,286,400
14.5	3,619,000	4,272,300	6,627,000	7,111,100	8,774,900	9,531,600	12,299,900	13,301,000	14,151,700	4,356,900
15.0	3,661,300	4,352,200	6,725,700	7,219,200	8,840,700	9,686,700	12,544,300	13,615,900	14,466,600	4,422,700
15.5	3,703,600	4,418,000	6,791,500	7,275,600	8,901,800	9,785,400	12,694,700	13,916,700	14,800,300	4,497,900
16.0	3,750,600	4,493,200	6,862,000	7,332,000	8,967,600	9,870,000	12,845,100	14,222,200	15,124,600	4,563,700
16.5	3,788,200	4,563,700	6,941,900	7,388,400	9,033,400	9,964,000	12,995,500	14,527,700	15,448,900	4,638,900
17.0	3,835,200	4,638,900	7,007,700	7,449,500	9,099,200	10,058,000	13,150,600	14,828,500	15,768,500	4,704,700
17.5	3,877,500	4,714,100	7,082,900	7,505,900	9,165,000	10,147,300	13,305,700	15,129,300	16,097,500	4,779,900
18.0	3,910,400	4,765,800	7,139,300	7,567,000	9,230,800	10,213,100	13,395,000	15,406,600	16,309,000	4,798,700
18.5	3,938,600	4,831,600	7,205,100	7,618,700	9,296,600	10,269,500	13,479,600	15,679,200	16,520,500	4,878,600
19.0	3,962,100	4,888,000	7,256,800	7,684,500	9,362,400	10,335,300	13,573,600	15,956,500	16,741,400	4,949,100
19.5	3,995,000	4,939,700	7,313,200	7,740,900	9,418,800	10,396,400	13,667,600	16,224,400	16,948,200	5,029,000
20.0	4,023,200	5,000,800	7,374,300	7,802,000	9,489,300	10,457,500	13,756,900	16,501,700	17,159,700	5,099,500

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

+ Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg đối với tài liệu kèm trong phong bì Express Envelope. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai -
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight*)										
21-44	183,300	230,300	329,000	343,100	465,300	479,400	653,300	789,600	813,100	211,500
45-70	173,900	225,600	310,200	324,300	460,600	470,000	639,200	784,900	799,000	202,100
71-99	159,800	211,500	291,400	291,400	446,500	441,800	611,000	756,700	770,800	169,200
100-299	159,800	206,800	286,700	286,700	441,800	437,100	606,300	747,300	761,400	169,200
300 and above	155,100	202,100	277,300	282,000	423,000	432,400	596,900	733,200	742,600	164,500

UPS 10 KG Box® và UPS 25 KG Box®

UPS 10 KG Box (42cm x 34cm x 27cm)
Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 10 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Giá Cố Định	Tính thêm cho từng kg tới 15 kg	Dành cho lô hàng nặng trên 15 kg
Vùng 1	2,044,500	220,900	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express Saver 25 KG Box
Vùng 2	2,382,900	239,700	
Vùng 3	3,243,000	333,700	
Vùng 4	3,308,800	333,700	
Vùng 5	5,226,400	399,500	
Vùng 6	5,014,900	376,000	
Vùng 7	8,060,500	470,000	
Vùng 8	8,159,200	474,700	
Vùng 9	8,159,200	474,700	
Vùng 10	2,256,000	235,000	

UPS 25 KG Box (50cm x 45cm x 34cm)
Mức giá cố định đặc biệt sẽ được áp dụng cho các lô hàng nặng tới 25 kg.*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Giá Cố Định	Tính thêm cho từng kg tới 30 kg	Dành cho lô hàng nặng trên 30 kg
Vùng 1	3,741,200	220,900	Áp dụng Bảng giá cước dịch vụ UPS Worldwide Express Saver cho hàng hóa
Vùng 2	4,573,100	244,400	
Vùng 3	6,001,900	343,100	
Vùng 4	6,152,300	343,100	
Vùng 5	8,464,700	423,000	
Vùng 6	8,013,500	385,400	
Vùng 7	12,050,800	479,400	
Vùng 8	12,553,700	484,100	
Vùng 9	12,553,700	484,100	
Vùng 10	4,333,400	239,700	

Với UPS 10 KG Box và UPS 25 KG Box, phí vận chuyển sẽ được tính cho người gửi, lệ phí và thuế sẽ được tính cho người nhận. Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Các Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

* Hộp UPS 10 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 15 kg. Hộp UPS 25 KG được thiết kế để đựng được trọng lượng tối đa là 30 kg. Khách hàng được khuyến cáo không nên sử dụng vượt quá trọng lượng tối đa đó.

Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai –
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Export – UPS Worldwide Expedited

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Expedited

Đối với những kiện hàng quan trọng của khách hàng mà không đòi hỏi chuyển phát khẩn cấp, UPS Worldwide Expedited sẽ giao hàng chỉ trong thời gian 3 ngày làm việc tại khu vực Châu Á, và từ Châu Á đến một số trung tâm thương mại lớn ở Châu Âu, Bắc Mỹ và Nam Mỹ.

Tham khảo Biểu đồ Khu vực Thế giới (Worldwide Zone Charts) để biết danh sách đầy đủ các quốc gia/ vùng lãnh thổ ở Châu Á mà dịch vụ này được đảm bảo xuất khẩu.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
1.0	1,231,400	1,348,900	1,541,600	1,555,700	1,861,200	1,837,700	2,091,500	2,237,200	2,547,400	1,005,800
2.0	1,466,400	1,593,300	1,917,600	1,945,800	2,364,100	2,401,700	2,763,600	2,918,700	3,435,700	1,250,200
3.0	1,677,900	1,818,900	2,288,900	2,331,200	2,834,100	2,923,400	3,351,100	3,623,700	4,277,000	1,475,800
4.0	1,880,000	2,039,800	2,660,200	2,721,300	3,304,100	3,449,800	3,938,600	4,483,800	5,123,000	1,710,800
5.0	2,091,500	2,256,000	3,036,200	3,102,000	3,774,100	3,976,200	4,526,100	5,165,300	5,969,000	1,950,500
6.0	2,270,100	2,425,200	3,426,300	3,496,800	4,244,100	4,559,000	4,916,200	5,846,800	6,603,500	2,100,900
7.0	2,444,000	2,585,000	3,811,700	3,882,200	4,714,100	4,935,000	5,311,000	6,533,000	7,238,000	2,246,600
8.0	2,608,500	2,754,200	4,173,600	4,272,300	5,038,400	5,325,100	5,701,100	7,209,800	7,877,200	2,387,600
9.0	2,730,700	2,918,700	4,450,900	4,559,000	5,367,400	5,710,500	6,274,500	7,891,300	8,685,600	2,538,000
10.0	2,881,100	3,064,400	4,742,300	4,972,600	5,696,400	6,091,200	6,697,500	8,572,800	9,334,200	2,688,400
11.0	2,942,200	3,228,900	4,967,900	5,202,900	5,983,100	6,312,100	7,172,200	9,141,500	10,006,300	2,890,500
12.0	3,045,600	3,313,500	5,202,900	5,433,200	6,265,100	6,500,100	7,656,300	9,714,900	10,692,500	3,050,300
13.0	3,106,700	3,459,200	5,343,900	5,578,900	6,556,500	6,706,900	7,980,600	10,283,600	11,209,500	3,205,400
14.0	3,214,800	3,619,000	5,480,200	5,724,600	6,735,100	6,909,000	8,300,200	10,857,000	11,703,000	3,360,500
15.0	3,285,300	3,703,600	5,625,900	5,870,300	6,899,600	7,097,000	8,662,100	11,425,700	12,205,900	3,510,900
16.0	3,346,400	3,792,900	5,766,900	6,016,000	7,073,500	7,252,100	8,864,200	11,909,800	12,704,100	3,675,400
17.0	3,421,600	3,882,200	5,907,900	6,157,000	7,242,700	7,411,900	9,061,600	12,393,900	13,202,300	3,825,800
18.0	3,496,800	3,966,800	6,053,600	6,302,700	7,416,600	7,571,700	9,174,400	12,873,300	13,705,200	3,985,600
19.0	3,534,400	4,117,200	6,175,800	6,565,900	7,585,800	7,731,500	9,376,500	13,348,000	14,208,100	4,140,700
20.0	3,703,600	4,309,900	6,467,200	6,749,200	7,618,700	7,863,100	9,752,500	13,883,800	14,823,800	4,168,900
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight [#])										
21-44	169,200	197,400	300,800	310,200	333,700	357,200	460,600	634,500	695,600	183,300
45-70	155,100	192,700	277,300	277,300	319,600	333,700	441,800	611,000	686,200	173,900
71-99	131,600	178,600	244,400	244,400	296,100	319,600	423,000	601,600	634,500	150,400
100-299	131,600	173,900	239,700	239,700	291,400	314,900	423,000	596,900	620,400	145,700
300 and above	112,800	159,800	230,300	235,000	277,300	305,500	408,900	587,500	596,900	136,300

[#] Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc “DWB”). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai –
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Import – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Express

Đối với tất cả các lô hàng khẩn cấp, UPS Worldwide Express đảm bảo giao hàng trước 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều đến hầu hết các khu vực trên đất nước của bạn.*

UPS Worldwide Express Plus

Đối với các lô hàng đặc biệt khẩn cấp giao hàng giờ xác định, UPS Worldwide Express Plus đảm bảo giao hàng trước 9:00 sáng hoặc 11:00 sáng đến các khu vực được lựa chọn tại địa điểm của bạn.*

Thêm 940,000 VND vào giá của UPS Worldwide Express tương ứng cho mỗi lô hàng sử dụng UPS Worldwide Express Plus.

Đối với lô hàng là tài liệu có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express cho chuyển phát hàng hóa.

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

+ Chỉ đối với thư từ và tài liệu. Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai -
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Phong bì và Chứng từ Chuyển phát nhanh UPS

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Phong bì +	1,165,600	1,264,300	1,292,500	1,400,600	1,753,100	1,814,200	1,974,000	2,166,700	2,293,600	2,523,900	1,066,900
0.5	1,165,600	1,264,300	1,461,700	1,579,200	1,978,700	1,903,500	2,129,100	2,265,400	2,303,000	2,542,700	1,198,500
1.0	1,306,600	1,410,000	1,729,600	1,828,300	2,425,200	2,317,100	2,650,800	2,801,200	2,815,300	3,078,500	1,391,200
1.5	1,438,200	1,546,300	2,002,200	2,096,200	2,871,700	2,740,100	3,186,600	3,294,700	3,308,800	3,619,000	1,541,600
2.0	1,579,200	1,851,800	2,265,400	2,335,900	3,313,500	3,153,700	3,703,600	3,792,900	3,811,700	4,154,800	1,663,800
2.5	1,720,200	2,072,700	2,538,000	2,608,500	3,760,000	3,572,000	4,230,000	4,295,800	4,319,300	4,695,300	1,809,500
3.0	1,861,200	2,246,600	2,895,200	2,979,800	4,215,900	4,023,200	4,681,200	4,761,100	4,794,000	5,231,100	1,955,200
3.5	2,006,900	2,425,200	3,153,700	3,290,000	4,657,700	4,479,100	5,047,800	5,245,200	5,245,200	5,776,300	2,119,700
4.0	2,143,200	2,617,900	3,402,800	3,557,900	5,108,900	4,935,000	5,546,000	5,729,300	5,729,300	6,283,900	2,265,400
4.5	2,317,100	2,796,500	3,661,300	3,830,500	5,536,600	5,390,900	6,044,200	6,171,100	6,204,000	6,815,000	2,425,200
5.0	2,500,400	2,904,600	3,905,700	4,098,400	5,997,200	5,846,800	6,509,500	6,589,400	6,678,700	7,346,100	2,585,000

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
0.5	1,269,000	1,400,600	1,696,700	1,790,700	2,100,900	2,058,600	2,270,100	2,392,300	2,401,700	2,669,600	1,363,000
1.0	1,414,700	1,541,600	1,992,800	2,072,700	2,566,200	2,514,500	2,791,800	2,914,000	2,932,800	3,275,900	1,579,200
1.5	1,551,000	1,682,600	2,260,700	2,321,800	3,012,700	2,993,900	3,308,800	3,449,800	3,463,900	3,891,600	1,771,900
2.0	1,687,300	1,969,300	2,528,600	2,575,600	3,454,500	3,463,900	3,839,900	3,985,600	4,004,400	4,483,800	1,936,400
2.5	1,842,400	2,232,500	2,805,900	2,829,400	3,905,700	3,915,100	4,371,000	4,512,000	4,540,200	5,085,400	2,119,700
3.0	1,955,200	2,373,500	3,078,500	3,087,900	4,333,400	4,314,600	4,888,000	5,043,100	5,071,300	5,621,200	2,279,500
3.5	2,086,800	2,514,500	3,341,700	3,351,100	4,761,100	4,676,500	5,372,100	5,574,200	5,574,200	6,147,600	2,444,000
4.0	2,204,300	2,664,900	3,604,900	3,614,300	5,179,400	5,076,000	5,795,100	5,997,200	6,114,700	6,678,700	2,608,500
4.5	2,373,500	2,801,200	3,882,200	3,901,000	5,607,100	5,470,800	6,213,400	6,321,500	6,636,400	7,205,100	2,777,700
5.0	2,514,500	2,951,600	4,150,100	4,154,800	6,048,900	5,875,000	6,627,000	6,815,000	7,167,500	7,689,200	2,937,500
5.5	2,552,100	3,050,300	4,394,500	4,403,900	6,387,300	6,227,500	6,923,100	7,026,500	7,496,500	7,877,200	3,073,800
6.0	2,650,800	3,158,400	4,648,300	4,671,800	6,753,900	6,594,100	7,261,500	7,402,500	7,698,600	8,084,000	3,210,100
6.5	2,740,100	3,271,200	4,892,700	4,949,100	7,148,700	6,974,800	7,614,000	7,783,200	8,046,400	8,455,300	3,341,700
7.0	2,829,400	3,379,300	5,146,500	5,221,700	7,473,000	7,360,200	7,952,400	8,159,200	8,389,500	8,812,500	3,468,600
7.5	2,928,100	3,482,700	5,400,300	5,489,600	7,839,600	7,731,500	8,295,500	8,530,500	8,742,000	9,188,500	3,604,900
8.0	3,003,300	3,595,500	5,654,100	5,743,400	8,173,300	8,055,800	8,633,900	8,915,900	9,085,100	9,555,100	3,736,500
8.5	3,083,200	3,703,600	5,898,500	5,992,500	8,464,700	8,328,400	8,981,700	9,291,900	9,442,300	9,940,500	3,872,800
9.0	3,158,400	3,811,700	6,147,600	6,251,000	8,643,300	8,671,500	9,324,800	9,677,300	9,884,100	10,372,900	3,995,000
9.5	3,224,200	3,910,400	6,401,400	6,509,500	8,826,600	8,911,200	9,658,500	10,053,300	10,231,900	10,819,400	4,126,600
10.0	3,294,700	4,018,500	6,650,500	6,753,900	9,000,500	9,122,700	10,011,000	10,391,700	10,575,000	11,256,500	4,183,000
10.5	3,341,700	4,140,700	6,782,100	6,946,600	9,183,800	9,428,200	10,316,500	10,711,300	10,908,700	11,656,000	4,338,100
11.0	3,398,100	4,248,800	6,913,700	7,125,200	9,367,100	9,630,300	10,457,500	10,852,300	11,204,800	12,064,900	4,408,600
11.5	3,449,800	4,361,600	7,031,200	7,303,800	9,545,700	9,968,700	10,598,500	10,988,600	11,613,700	12,469,100	4,483,800
12.0	3,510,900	4,460,300	7,162,800	7,496,500	9,724,300	10,184,900	10,871,100	11,124,900	12,022,600	12,873,300	4,559,000
12.5	3,557,900	4,568,400	7,289,700	7,670,400	9,907,600	10,396,400	11,110,800	11,270,600	12,422,100	13,277,500	4,638,900
13.0	3,600,200	4,671,800	7,397,800	7,839,600	10,011,000	10,575,000	11,355,200	11,406,900	12,755,800	13,615,900	4,718,800
13.5	3,647,200	4,789,300	7,510,600	7,994,700	10,081,500	10,748,900	11,590,200	11,726,500	13,084,800	13,949,600	4,798,700
14.0	3,698,900	4,888,000	7,618,700	8,159,200	10,156,700	10,941,600	11,820,500	11,961,500	13,413,800	14,288,000	4,883,300
14.5	3,741,200	4,982,000	7,726,800	8,290,800	10,231,900	11,115,500	12,060,200	12,201,200	13,747,500	14,621,700	4,967,900
15.0	3,783,500	5,076,000	7,839,600	8,417,700	10,307,100	11,294,100	12,299,900	12,445,600	14,067,100	14,950,700	5,043,100
15.5	3,825,800	5,151,200	7,919,500	8,483,500	10,377,600	11,406,900	12,445,600	12,605,400	14,382,000	15,293,800	5,132,400
16.0	3,872,800	5,240,500	7,999,400	8,549,300	10,490,400	11,510,300	12,596,000	12,755,800	14,701,600	15,627,500	5,202,900
16.5	3,915,100	5,320,400	8,098,100	8,615,100	10,589,100	11,660,700	12,741,700	12,906,200	15,016,500	15,965,900	5,287,500
17.0	3,966,800	5,409,700	8,168,600	8,690,300	10,664,300	11,787,600	12,892,100	13,056,600	15,326,700	16,294,900	5,362,700
17.5	4,009,100	5,494,300	8,257,900	8,751,400	10,739,500	11,895,700	13,047,200	13,108,300	15,632,200	16,638,000	5,447,300
18.0	4,042,000	5,555,400	8,323,700	8,821,900	10,814,700	11,966,200	13,131,800	13,305,700	15,923,600	16,854,200	5,470,800
18.5	4,065,500	5,635,300	8,398,900	8,883,000	10,899,300	12,036,700	13,258,700	13,399,700	16,200,900	17,075,100	5,560,100
19.0	4,093,700	5,701,100	8,460,000	8,962,900	10,974,500	12,111,900	13,484,300	13,634,700	16,492,300	17,300,700	5,640,000
19.5	4,131,300	5,757,500	8,530,500	9,028,700	11,040,300	12,187,100	13,714,600	13,728,700	16,769,600	17,516,900	5,729,300
20.0	4,159,500	5,828,000	8,601,000	9,099,200	11,120,200	12,257,600	13,775,700	13,879,100	17,051,600	17,737,800	5,813,900

Import – UPS Worldwide Express

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight*)											
21-44	188,000	267,900	390,100	408,900	554,600	578,100	667,400	672,100	817,800	836,600	249,100
45-70	178,600	253,800	357,200	376,000	535,800	549,900	653,300	672,100	813,100	827,200	230,300
71-99	169,200	244,400	338,400	338,400	521,700	517,000	596,900	611,000	780,200	799,000	197,400
100-299	164,500	239,700	333,700	333,700	512,300	512,300	592,200	596,900	770,800	784,900	192,700
300 and above	159,800	235,000	324,300	329,000	498,200	507,600	587,500	592,200	761,400	770,800	188,000

Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai –
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Import – UPS Worldwide Express Saver®

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Express Saver

Là một sự thay thế kinh tế cho dịch vụ UPS Worldwide Express®, UPS Worldwide Express Saver mang đến dịch vụ chuyển phát đảm bảo hoàn tiền được giao trước thời điểm cuối ngày tới hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đối với tài liệu chuyển phát có khối lượng vượt quá 5 kg, tham khảo bảng giá cước của dịch vụ UPS Worldwide Express Saver cho chuyển phát hàng hóa.

* Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Khoản Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại Diện Dịch Vụ Khách Hàng của chúng tôi hoặc truy cập website ups.com®.

+ Chỉ đối với thư từ và tài liệu. Có giới hạn trọng lượng là 0,5 kg. Biểu phí Tài Liệu hoặc Không Phải Tài Liệu sẽ áp dụng cho các phong bì nặng hơn 0,5 kg.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai -
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Phong bì và Chứng từ Chuyển phát nhanh UPS

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Phong bì +	1,099,800	1,193,800	1,217,300	1,320,700	1,654,400	1,710,800	1,861,200	2,044,500	2,162,000	2,382,900	1,005,800
0.5	1,099,800	1,193,800	1,377,100	1,489,900	1,865,900	1,795,400	2,006,900	2,138,500	2,171,400	2,397,000	1,132,700
1.0	1,231,400	1,330,100	1,630,900	1,724,900	2,288,900	2,185,500	2,500,400	2,641,400	2,655,500	2,904,600	1,311,300
1.5	1,358,300	1,457,000	1,889,400	1,978,700	2,707,200	2,585,000	3,008,000	3,106,700	3,120,800	3,412,200	1,452,300
2.0	1,489,900	1,748,400	2,138,500	2,204,300	3,125,500	2,975,100	3,492,100	3,576,700	3,595,500	3,919,800	1,569,800
2.5	1,621,500	1,955,200	2,392,300	2,462,800	3,548,500	3,369,900	3,990,300	4,051,400	4,074,900	4,427,400	1,706,100
3.0	1,757,800	2,119,700	2,730,700	2,810,600	3,976,200	3,797,600	4,418,000	4,493,200	4,521,400	4,935,000	1,842,400
3.5	1,894,100	2,288,900	2,975,100	3,102,000	4,394,500	4,225,300	4,761,100	4,949,100	4,949,100	5,447,300	1,997,500
4.0	2,021,000	2,467,500	3,210,100	3,355,800	4,817,500	4,657,700	5,231,100	5,405,000	5,405,000	5,926,700	2,138,500
4.5	2,185,500	2,636,700	3,454,500	3,614,300	5,221,700	5,085,400	5,701,100	5,823,300	5,851,500	6,429,600	2,288,900
5.0	2,359,400	2,740,100	3,684,800	3,868,100	5,658,800	5,517,800	6,142,900	6,218,100	6,302,700	6,932,500	2,439,300

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
0.5	1,198,500	1,320,700	1,602,700	1,687,300	1,983,400	1,941,100	2,143,200	2,256,000	2,265,400	2,519,200	1,287,800
1.0	1,334,800	1,452,300	1,880,000	1,955,200	2,420,500	2,373,500	2,632,000	2,749,500	2,768,300	3,092,600	1,489,900
1.5	1,461,700	1,588,600	2,133,800	2,190,200	2,843,500	2,824,700	3,120,800	3,252,400	3,266,500	3,670,700	1,673,200
2.0	1,593,300	1,856,500	2,387,600	2,429,900	3,257,100	3,266,500	3,623,700	3,760,000	3,778,800	4,230,000	1,828,300
2.5	1,739,000	2,105,600	2,646,100	2,669,600	3,684,800	3,694,200	4,121,900	4,258,200	4,281,700	4,798,700	1,997,500
3.0	1,842,400	2,237,200	2,904,600	2,914,000	4,089,000	4,070,200	4,610,700	4,756,400	4,784,600	5,301,600	2,152,600
3.5	1,969,300	2,373,500	3,153,700	3,163,100	4,493,200	4,413,300	5,066,600	5,259,300	5,259,300	5,799,800	2,307,700
4.0	2,077,400	2,514,500	3,402,800	3,407,500	4,888,000	4,789,300	5,466,100	5,658,800	5,766,900	6,302,700	2,462,800
4.5	2,237,200	2,641,400	3,661,300	3,680,100	5,287,500	5,160,600	5,860,900	5,964,300	6,260,400	6,796,200	2,622,600
5.0	2,373,500	2,782,400	3,915,100	3,919,800	5,705,800	5,541,300	6,251,000	6,429,600	6,763,300	7,252,100	2,773,000
5.5	2,406,400	2,876,400	4,145,400	4,154,800	6,025,400	5,875,000	6,533,000	6,627,000	7,073,500	7,430,700	2,899,900
6.0	2,500,400	2,979,800	4,385,100	4,408,600	6,373,200	6,222,800	6,852,600	6,984,200	7,261,500	7,628,100	3,026,800
6.5	2,585,000	3,087,900	4,615,400	4,667,100	6,744,500	6,580,000	7,181,600	7,341,400	7,590,500	7,975,900	3,153,700
7.0	2,669,600	3,186,600	4,855,100	4,925,600	7,050,000	6,941,900	7,501,200	7,698,600	7,914,800	8,314,300	3,271,200
7.5	2,763,600	3,285,300	5,094,800	5,179,400	7,397,800	7,294,400	7,825,500	8,046,400	8,248,500	8,666,800	3,402,800
8.0	2,834,100	3,393,400	5,334,500	5,419,100	7,712,700	7,599,900	8,145,100	8,413,000	8,572,800	9,014,600	3,525,000
8.5	2,909,300	3,492,100	5,564,800	5,654,100	7,985,300	7,858,400	8,474,100	8,765,500	8,906,500	9,376,500	3,651,900
9.0	2,979,800	3,595,500	5,799,800	5,898,500	8,154,500	8,182,700	8,798,400	9,127,400	9,324,800	9,785,400	3,769,400
9.5	3,040,900	3,689,500	6,039,500	6,142,900	8,328,400	8,408,300	9,113,300	9,484,600	9,653,800	10,208,400	3,891,600
10.0	3,106,700	3,792,900	6,274,500	6,373,200	8,492,900	8,605,700	9,442,300	9,804,200	9,978,100	10,617,300	3,948,000
10.5	3,153,700	3,905,700	6,396,700	6,551,800	8,662,100	8,892,400	9,733,700	10,105,000	10,293,000	10,998,000	4,093,700
11.0	3,205,400	4,009,100	6,523,600	6,721,000	8,836,000	9,085,100	9,865,300	10,236,600	10,570,300	11,383,400	4,159,500
11.5	3,252,400	4,112,500	6,631,700	6,890,200	9,005,200	9,404,700	9,996,900	10,368,200	10,955,700	11,764,100	4,230,000
12.0	3,313,500	4,206,500	6,758,600	7,073,500	9,174,400	9,606,800	10,255,400	10,495,100	11,341,100	12,144,800	4,300,500
12.5	3,355,800	4,309,900	6,876,100	7,238,000	9,348,300	9,808,900	10,481,000	10,631,400	11,717,100	12,525,500	4,375,700
13.0	3,398,100	4,408,600	6,979,500	7,397,800	9,442,300	9,978,100	10,711,300	10,763,000	12,032,000	12,845,100	4,450,900
13.5	3,440,400	4,516,700	7,087,600	7,543,500	9,512,800	10,142,600	10,932,200	11,063,800	12,342,200	13,160,000	4,526,100
14.0	3,487,400	4,610,700	7,186,300	7,698,600	9,583,300	10,321,200	11,153,100	11,284,700	12,652,400	13,479,600	4,606,000
14.5	3,529,700	4,700,000	7,289,700	7,820,800	9,653,800	10,485,700	11,378,700	11,510,300	12,967,300	13,794,500	4,685,900
15.0	3,567,300	4,789,300	7,397,800	7,943,000	9,724,300	10,654,900	11,604,300	11,740,600	13,272,800	14,104,700	4,756,400
15.5	3,609,600	4,859,800	7,473,000	8,004,100	9,790,100	10,763,000	11,740,600	11,891,000	13,568,900	14,429,000	4,841,000
16.0	3,651,900	4,944,400	7,548,200	8,065,200	9,898,200	10,857,000	11,881,600	12,032,000	13,869,700	14,743,900	4,906,800
16.5	3,694,200	5,019,600	7,637,500	8,126,300	9,987,500	11,002,700	12,022,600	12,177,700	14,165,800	15,063,500	4,986,700
17.0	3,741,200	5,104,200	7,708,000	8,196,800	10,062,700	11,120,200	12,163,600	12,318,700	14,457,200	15,373,700	5,057,200
17.5	3,783,500	5,184,100	7,792,600	8,257,900	10,133,200	11,223,600	12,309,300	12,365,700	14,748,600	15,698,000	5,137,100
18.0	3,811,700	5,240,500	7,853,700	8,323,700	10,203,700	11,289,400	12,389,200	12,553,700	15,021,200	15,900,100	5,160,600
18.5	3,835,200	5,315,700	7,924,200	8,380,100	10,283,600	11,355,200	12,506,700	12,643,000	15,284,400	16,106,900	5,245,200
19.0	3,863,400	5,376,800	7,980,600	8,455,300	10,354,100	11,425,700	12,722,900	12,863,900	15,557,000	16,323,100	5,320,400
19.5	3,896,300	5,433,200	8,046,400	8,516,400	10,415,200	11,496,200	12,939,100	12,953,200	15,820,200	16,525,200	5,405,000
20.0	3,924,500	5,499,000	8,112,200	8,582,200	10,490,400	11,562,000	12,995,500	13,094,200	16,088,100	16,732,000	5,484,900

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight*)											
21-44	178,600	253,800	366,600	385,400	521,700	545,200	629,800	634,500	770,800	789,600	235,000
45-70	169,200	239,700	338,400	352,500	507,600	517,000	615,700	634,500	766,100	780,200	216,200
71-99	159,800	230,300	319,600	319,600	493,500	488,800	564,000	578,100	737,900	752,000	188,000
100-299	155,100	225,600	314,900	314,900	484,100	484,100	559,300	564,000	728,500	742,600	183,300
300 and above	150,400	220,900	305,500	310,200	470,000	479,400	554,600	559,300	719,100	728,500	178,600

Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc “DWB”). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai –
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Import – UPS Worldwide Expedited

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Expedited

Đối với những kiện hàng quan trọng của khách hàng mà không đòi hỏi chuyển phát khẩn cấp, UPS Worldwide Expedited sẽ giao hàng chỉ trong thời gian 3 ngày làm việc.

Tham khảo Biểu đồ Khu vực Thế giới (Worldwide Zone Charts) để biết danh sách đầy đủ các quốc gia/vùng lãnh thổ ở Châu Á mà dịch vụ này được đảm bảo nhập khẩu.

Hàng hóa

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
1.0	1,203,200	1,311,300	1,692,000	1,710,800	2,058,600	2,035,100	2,303,000	2,458,100	2,476,900	2,843,500	1,109,200
2.0	1,428,800	1,663,800	2,110,300	2,138,500	2,613,200	2,660,200	3,040,900	3,210,100	3,228,900	3,778,800	1,372,400
3.0	1,635,600	1,997,500	2,519,200	2,561,500	3,134,900	3,233,600	3,684,800	3,985,600	4,009,100	4,704,700	1,626,200
4.0	1,828,300	2,246,600	2,928,100	2,993,900	3,647,200	3,816,400	4,220,600	4,653,000	4,935,000	5,635,300	1,884,700
5.0	2,096,200	2,481,600	3,341,700	3,412,200	4,173,600	4,399,200	4,709,400	5,170,000	5,682,300	6,523,600	2,147,900
6.0	2,213,700	2,669,600	3,769,400	3,844,600	4,676,500	5,014,900	4,958,500	5,452,000	6,124,100	6,725,700	2,312,400
7.0	2,382,900	2,843,500	4,192,400	4,267,600	5,184,100	5,428,500	5,264,000	5,875,000	6,702,200	7,219,200	2,472,200
8.0	2,542,700	3,031,500	4,591,900	4,700,000	5,541,300	5,856,200	5,588,300	6,298,000	7,275,600	7,722,100	2,627,300
9.0	2,664,900	3,214,800	4,897,400	5,014,900	5,851,500	6,260,400	6,114,700	6,744,500	7,933,600	8,464,700	2,791,800
10.0	2,815,300	3,369,900	5,217,000	5,470,800	6,147,600	6,589,400	6,490,700	7,191,000	8,502,300	9,094,500	2,904,600
11.0	2,867,000	3,553,200	5,466,100	5,724,600	6,500,100	6,862,000	6,782,100	7,520,000	8,911,200	9,752,500	3,111,400
12.0	2,975,100	3,642,500	5,724,600	5,978,400	6,852,600	7,148,700	7,082,900	7,849,000	9,470,500	10,424,600	3,275,900
13.0	3,026,800	3,802,300	5,879,700	6,138,200	7,214,500	7,379,000	7,383,700	8,178,000	10,029,800	10,927,500	3,445,100
14.0	3,134,900	3,980,900	6,030,100	6,298,000	7,407,200	7,599,900	7,679,800	8,507,000	10,584,400	11,406,900	3,609,600
15.0	3,200,700	4,074,900	6,189,900	6,457,800	7,590,500	7,806,700	8,013,500	8,836,000	11,139,000	11,900,400	3,774,100
16.0	3,257,100	4,173,600	6,345,000	6,617,600	7,806,700	7,975,900	8,201,500	9,141,500	11,613,700	12,384,500	3,952,700
17.0	3,337,000	4,272,300	6,500,100	6,772,700	8,008,800	8,196,800	8,380,100	9,447,000	12,083,700	12,873,300	4,112,500
18.0	3,407,500	4,361,600	6,659,900	6,932,500	8,201,500	8,370,700	8,483,500	9,729,000	12,549,000	13,362,100	4,286,400
19.0	3,445,100	4,530,800	6,791,500	7,223,900	8,389,500	8,549,300	8,789,000	10,034,500	13,014,300	13,850,900	4,450,900
20.0	3,614,300	4,737,600	7,115,800	7,426,000	8,427,100	8,695,000	9,212,000	10,434,000	13,536,000	14,452,500	4,483,800
Dành cho lô hàng nặng trên 20kg (Giá mỗi kg trừ khi áp dụng Deficit Weight [#])											
21-44	164,500	220,900	338,400	347,800	385,400	413,600	446,500	507,600	620,400	676,800	202,100
45-70	150,400	206,800	300,800	300,800	352,500	366,600	399,500	399,500	596,900	672,100	188,000
71-99	131,600	192,700	267,900	267,900	329,000	352,500	390,100	399,500	587,500	620,400	169,200
100-299	126,900	188,000	263,200	263,200	319,600	347,800	380,700	376,000	582,800	606,300	159,800
300 and above	108,100	173,900	253,800	258,500	310,200	338,400	380,700	376,000	578,100	587,500	145,700

[#] Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc “DWB”). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/ hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Chú ý:
Những Thay Đổi Trong Tương Lai –
Bảng giá cước, phí, miêu tả dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

UPS Worldwide Express Freight

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Express Freight

Đảm bảo giao hàng vào cuối ngày đối với các kiện hàng đóng pallet trên 70 kg đến hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Giao hàng thường được thực hiện trong vòng một đến ba ngày làm việc, tùy vào điểm đến.

Xuất Khẩu (Giao Nhận Tận Nhà, Nhận Tại Cơ Sở, Giữ Tại Cơ Sở, và Phí Nhận Tại Cơ Sở & Giữ Tại Cơ Sở)*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Giá mỗi kg trừ phí áp dụng Deficit Weight [#]										
71-99	159,800	211,500	291,400	291,400	446,500	441,800	611,000	756,700	770,800	169,200
100-299	159,800	206,800	286,700	286,700	441,800	437,100	606,300	747,300	761,400	169,200
300 and above	155,100	202,100	277,300	282,000	423,000	432,400	596,900	733,200	742,600	164,500
Minimum Rate	11,345,800	15,016,500	20,689,400	20,689,400	31,701,500	31,367,800	43,381,000	53,725,700	54,726,800	12,013,200

Nhập Khẩu (Giao Nhận Tận Nhà, Nhận Tại Cơ Sở, Giữ Tại Cơ Sở, và Phí Nhận Tại Cơ Sở & Giữ Tại Cơ Sở)*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10	Vùng 11
Giá mỗi kg trừ phí áp dụng Deficit Weight [#]											
71-99	159,800	230,300	319,600	319,600	493,500	488,800	564,000	578,100	737,900	752,000	188,000
100-299	155,100	225,600	314,900	314,900	484,100	484,100	559,300	564,000	728,500	742,600	183,300
300 and above	150,400	220,900	305,500	310,200	470,000	479,400	554,600	559,300	719,100	728,500	178,600
Minimum Rate	11,345,800	16,351,300	22,691,600	22,691,600	35,038,500	34,704,800	40,044,000	41,045,100	52,390,900	53,392,000	13,348,000

UPS Worldwide Express Freight Midday

Bảng giá được tính bằng đồng Việt Nam và áp dụng đối với lô hàng có xuất xứ từ Việt Nam.

UPS Worldwide Express Freight Midday

Giao hàng đảm bảo giờ xác định vào 12 giờ trưa hoặc 2 giờ chiều đối với các lô hàng đóng pallet trên 70 kg đến hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Giao hàng thường được thực hiện trong vòng một đến ba ngày làm việc, tùy thuộc điểm đến.

Xuất Khẩu (Giao Nhận Tận Nhà, Nhận Tại Cơ Sở, Giữ Tại Cơ Sở, và Phí Nhận Tại Cơ Sở & Giữ Tại Cơ Sở)*

Trọng lượng lô hàng (kg)	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8	Vùng 9	Vùng 10
Giá mỗi kg trừ phí áp dụng Deficit Weight [#]										
71.0	169,200	225,600	310,200	310,200	474,700	470,000	648,600	803,700	817,800	-
100.0	169,200	220,900	305,500	305,500	470,000	465,300	643,900	794,300	808,400	-
300 and above	164,500	216,200	296,100	300,800	446,500	460,600	634,500	775,500	784,900	-
Minimum Rate	12,013,200	16,017,600	22,024,200	22,024,200	33,703,700	33,370,000	46,050,600	57,062,700	58,063,800	-

- *• Giao Nhận Tận Nhà là các kiện hàng được gửi từ nhà người gửi đến nhà người nhận.
- Nhận Tại Cơ Sở là các kiện hàng được mang đến một cơ sở gửi đi của UPS và được giao đến nhà người nhận.
- Giữ Tại Cơ Sở là các kiện hàng được nhận tại địa điểm của người gửi và được giữ tại một cơ sở đến của UPS chờ nhận.
- Nhận Tại Cơ Sở và Giữ tại Cơ Sở là các kiện hàng được nhận tại một cơ sở gửi đi của UPS và được giữ tại một cơ sở đến của UPS chờ nhận.

[#] Trong một số trường hợp, lô hàng sẽ có mức giá tiết kiệm hơn nếu được tính ở mức trọng lượng tính cước cao hơn so với khi tính ở mức trọng lượng tính cước thực tế (Hóa đơn khối lượng hao hụt, hoặc "DWB"). Hệ thống thanh toán của UPS sẽ ước tính hai mức giá vận chuyển gộp và lấy mức giá nào thấp hơn giữa hai mức giá đó trước khi áp dụng bất kỳ ưu đãi tùy chỉnh nào để hoàn tất các khoản phí. DWB được áp dụng mặc định. Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề thanh toán nào do DWB và/hoặc muốn bỏ DWB khỏi trọng lượng tính cước thực tế của lô hàng được tính phí trong mọi trường hợp, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của bạn.

Lưu ý :

Các điều kiện và hạn chế, bao gồm cả Những Điều Khoản và Điều Khoản Dịch Vụ của UPS sẽ được áp dụng. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Đại diện Dịch vụ khách hàng của chúng tôi hoặc tham khảo website ups.com®.

Những thay đổi trong tương lai - Bảng giá cước, phí, miêu tả về dịch vụ và các dịch vụ có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021

CÁC QUY TẮC VỀ TRÁCH NHIỆM ĐƯỢC THIẾT LẬP THEO CÔNG ƯỚC WARSAW VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI CỦA CÔNG ƯỚC SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO VIỆC VẬN CHUYỂN QUỐC TẾ ĐỐI VỚI BẤT KỲ LÔ HÀNG NÀO TRONG PHẠM VI VIỆC VẬN CHUYỂN ĐÓ ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH BỞI CÔNG ƯỚC.

Vì mục đích của Điều Khoản và Điều Kiện này, United Parcel Service có nghĩa là công ty United Parcel Service hoạt động tại quốc gia nơi lô hàng được giao cho Công ty Cổ Phần UPS Việt Nam ("UPS") gửi đi, để vận chuyển quốc tế các gói hàng nhỏ (kể cả "Thư Phát Nhanh") và các dịch vụ đi kèm. Tất cả các lô hàng chịu sự điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện được nêu trong Hướng Dẫn Dịch Vụ và Biểu Phí của UPS (được quy định tại ups.com® và có sẵn tại các văn phòng UPS địa phương), tài liệu gốc của UPS đối với mỗi lô hàng và tài liệu gốc được quy định bởi luật tài phán hiện hành của nơi mà lô hàng xuất xứ.

"Người Gửi Hàng" là bên ký hợp đồng dịch vụ với UPS.

Trong trường hợp vận chuyển bằng đường hàng không có điểm đến sau cùng hoặc điểm dừng bên ngoài nước xuất xứ thì Công Ước Warsaw có thể được áp dụng. Các quy tắc liên quan đến trách nhiệm được thiết lập bởi Công Ước về Thống Nhất Một Số Quy Tắc Liên Quan Đến Vận Tải Hàng Không Quốc Tế được ký tại Warsaw, Ba Lan, ngày 12 tháng 10 năm 1929, và bất kỳ sửa đổi nào của Công Ước sẽ được áp dụng đối với việc vận chuyển quốc tế bất kỳ lô hàng nào trong chừng mực việc vận chuyển đó được điều chỉnh bởi Công Ước. Nếu các bên không thỏa thuận điểm dừng vào thời điểm ký gửi hàng thì UPS giữ quyền quyết định lộ trình của lô hàng bằng bất cứ cách nào mà UPS cho là phù hợp. Không phụ thuộc vào bất kỳ điều khoản nào quy định ngược lại, việc vận tải quốc tế bằng đường bộ có thể chịu sự điều chỉnh của các quy định của Công Ước về Hợp Đồng Vận Chuyển Quốc Tế Bằng Đường Bộ được ký tại Geneva vào ngày 19 tháng 5 năm 1956 và bất kỳ sửa đổi nào của Công Ước đó ("Công Ước CMR").

UPS có thể thuê các nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ và hợp đồng thay mặt cho UPS và nhân viên, mỗi đại lý và nhà thầu phụ của UPS đều được hưởng quyền lợi của các điều khoản này. Không bên nào có thẩm quyền từ bỏ hoặc thay đổi bất kỳ điều khoản nào trong số các điều khoản này. Tất cả các gói hàng hoặc pallet bao gồm trong một Vận Đơn/phiếu gửi hàng ("Vận Đơn UPS") sẽ được xem là một lô hàng. Một lô hàng được vận chuyển qua bất kỳ điểm dừng trung gian nào mà UPS cho là phù hợp.

Trừ khi được thỏa thuận khác bằng văn bản trước khi ký gửi hàng thì dịch vụ do UPS cung cấp sẽ giới hạn ở việc nhận hàng, vận chuyển, thông quan tùy trường hợp và việc giao hàng. Người gửi hàng xác nhận rằng các lô hàng sẽ được tập kết với các lô hàng của những người gửi khác để vận chuyển và UPS có thể không giám sát được việc di chuyển xuất nhập của từng lô hàng tại tất cả trung tâm xử lý.

Các Điều Kiện và Giới Hạn Dịch Vụ

UPS cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hoá nói chung theo định nghĩa thông thường và tuân thủ các điều kiện hạn chế sau đây:

- (i) Theo các điều khoản và điều kiện liên quan đến UPS Worldwide Express Freight dưới đây, UPS không cung cấp dịch vụ vận chuyển cho bất kỳ kiện hàng hoặc sản phẩm nào có trọng lượng thực tế lớn hơn 70 kg (hoặc 150 lbs) hoặc có chiều dài vượt quá 270 cm (hoặc 108 inches) hoặc tổng chiều dài và chu vi vượt quá 400 cm (hoặc 157 inches). Nếu có xuất hiện trong hệ thống UPS, các kiện hàng này sẽ được tính một hoặc nhiều loại phụ phí bổ sung sau đây: Vượt quá

Trọng lượng Tối đa, Vượt quá Chiều dài Tối đa hoặc Vượt quá Kích thước Tối đa. Pallet UPS Worldwide Express Freight Services vượt quá giới hạn kích thước và trọng lượng tối đa theo quy định (trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS) tại địa chỉ ups.com® sẽ không được chấp nhận vận chuyển và được trả lại cho người gửi nếu có xuất hiện trong hệ thống UPS.

- (ii) Không có dịch vụ vận chuyển bất kỳ kiện hàng hoặc vật phẩm nào có giá trị thực tế vượt quá 999,999,999 VND mỗi kiện hàng (hoặc giá trị tương đương bằng đồng nội tệ); hoặc 999,999,999 VND mỗi pa-lét đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services (hoặc giá trị tương đương bằng đồng nội tệ).
- (iii) Không cung cấp dịch vụ vận chuyển cho bất kỳ kiện hàng hoặc pallet nào bao gồm các sản phẩm bị cấm vận chuyển, được liệt kê trên trang web của UPS (ups.com®), bao gồm nhưng không giới hạn các sản phẩm có giá trị và quý hiếm (như tiền xu, tiền, tem bưu chính, chứng từ lưu thông (trừ séc), lệnh chuyển tiền, và hàng hóa nguy hiểm. Vui lòng xem Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS để biết thêm thông tin về loại hàng hóa nguy hiểm. Theo luật pháp hiện hành, một số hàng hóa chỉ có thể được vận chuyển trong những điều kiện cụ thể và một số hàng hóa bị cấm vận chuyển bằng đường hàng không.
- (iv) UPS không cung cấp dịch vụ bảo vệ cho việc vận chuyển hàng hóa dễ hư hỏng và các mặt hàng cần tránh điều kiện quá nóng hoặc quá lạnh. Chỉ chấp nhận vận chuyển các loại hàng hóa này khi người gửi tự chịu rủi ro cho bất kỳ thiệt hại nào phát sinh trong quá trình vận chuyển.
- (v) Không cung cấp dịch vụ vận chuyển bất kỳ lô hàng nào bị nghiêm cấm theo luật pháp hoặc quy định hiện hành của quốc gia nơi xuất phát hoặc nơi đến, hoặc khi UPS xác định rằng lô hàng đó bị cấm. Các mặt hàng bị cấm tìm thấy trong mạng lưới UPS hoặc các mặt hàng bị cấm không được chuẩn bị đúng cách theo các quy định hiện hành này sẽ phải chịu phí hàng cấm bổ sung. UPS có toàn quyền tiết lộ, gửi tới các cơ quan hoặc hoàn trả các gói hàng như vậy cho người gửi với mức phí do người gửi hàng chịu. Các khoản phí như vậy áp dụng ngoài tất cả các loại phí hiện hành khác bao gồm tất cả các phí tiêu hủy.

Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các nội dung đưa vào Vận đơn và đảm bảo rằng tất cả các lô hàng đều có thông tin chi tiết liên lạc đầy đủ của người gửi hàng và người nhận hàng và lô hàng được đóng gói, đánh dấu và dán nhãn, với hàng hóa bên trong lô hàng được mô tả và phân loại và đính kèm đầy đủ giấy tờ cần thiết (trong từng trường hợp cụ thể) để đảm bảo phù hợp yêu cầu vận chuyển và tuân thủ các yêu cầu trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ đang có hiệu lực và pháp luật hiện hành.

Phụ Phí Gói Hàng Lớn

Phí bổ sung sẽ được áp dụng cho kiện hàng lớn. Một kiện hàng được coi là "Kiện hàng lớn" khi chiều dài cộng chu vi [(2 x rộng) + (2 x cao)] vượt quá 300 cm (118 inches), nhưng không vượt quá kích thước tối đa cho phép của UPS là 400 cm (157 inches). Kiện hàng lớn sẽ được vận chuyển với mức phí bổ sung cho trọng lượng phải thanh toán tối thiểu là 40 kg (90 pounds).

Một khoản Phụ Phí Xử Lý sẽ không bị tính khi đã áp dụng Phụ Phí Gói Hàng Lớn.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021

(tiếp theo)

Phụ Phí Vượt Hạn Mức Tối Đa

Các gói hàng vượt quá giới hạn về trọng lượng hoặc kích thước được quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện (“Các Vật Phẩm Không Được Chấp Nhận Vận Chuyển”) phải chịu thêm một hoặc nhiều các khoản phụ phí sau đây: Vượt Quá Trọng Lượng Tối Đa, Vượt Quá Chiều Dài Tối Đa, hoặc Vượt Quá Kích Thước Tối Đa. Các khoản phụ phí này sẽ được áp dụng ngoài tất cả các khoản phí được áp dụng khác, bao gồm nhưng không giới hạn Phụ Phí Gói Hàng Lớn.

Phụ Phí Xử Lý

Một khoản Phụ Phí Xử Lý sẽ được tính cho bất kỳ gói hàng nào cần xử lý đặc biệt, do UPS tùy quyết, bao gồm nhưng không giới hạn:

- (i) Bất kỳ hàng hóa nào không đóng kín được bằng thùng các-tông, bao gồm nhưng không hạn chế từ kim loại, gỗ, nhựa cứng, nhựa mềm (ví dụ: túi nhựa) hoặc vật liệu xốp polystyren (ví dụ: xốp styrofoam);
- (ii) Bất kỳ vật phẩm nào hình trụ, như thùng tròn, trống, xô thùng hoặc lốp xe, mà không đựng vừa trong các thùng hàng làm từ bìa cứng gấp lại;
- (iii) Bất kỳ gói hàng nào có chiều dài nhất vượt quá 122 cm (hoặc 48 inches) hoặc chiều dài dài thứ hai vượt quá 76 cm (hoặc 30 inches);
- (iv) Bất kỳ gói hàng nào có trọng lượng thực lớn hơn 32 kg (hoặc 70 pounds); và
- (v) Mỗi gói hàng, ngoại trừ các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services, nếu trọng lượng trung bình của mỗi gói hàng lớn hơn 32 kg (hoặc 70 pounds) và trọng lượng của mỗi gói hàng không được quy định cụ thể trong Hệ Thống Vận Chuyển UPS được sử dụng.

UPS giữ quyền tính chi phí cho bất kỳ gói hàng nào mà theo quyết định riêng của UPS là cần phải xử lý đặc biệt.

Phụ Phí Xử Lý Pallet Quá Khổ

Phụ phí Xử Lý Pallet Quá Khổ sẽ áp dụng cho pallet được phân loại là Quá Khổ của dịch vụ UPS Worldwide Express Freight. Một pallet được xem là Quá Khổ khi các kích thước nó vượt quá ngưỡng giới hạn được quy định tại: https://www.ups.com/assets/resources/media/wwef_max_dim.pdf

Các pallet của dịch vụ UPS Worldwide Express Freight cũng phải tuân thủ các giới hạn về kích thước tối đa (có thể khác nhau tùy thuộc nơi xuất khẩu và nơi nhập khẩu) theo quy định tại https://www.ups.com/assets/resources/media/wwef_max_dim.pdf. Các pallet vượt quá giới hạn về kích thước sẽ cần sự chấp thuận trước của UPS và chịu một khoản Phụ phí Xử Lý Pallet Quá Khổ nếu được chấp thuận.

Kịp thời Tải PLD lên

Người gửi hàng phải Tải Lên Kịp thời Thông tin chi tiết Gói hàng (“PLD”) cho UPS. Nếu không kịp thời tải PLD lên, một số dịch vụ của UPS sẽ không khả dụng, bao gồm nhưng không giới hạn Dịch vụ Hoá Đơn Điện Tử và Dịch vụ Đảm Bảo. Mẫu kịp thời tải lên PLD được sử dụng trong các Điều khoản này nói đến việc truyền tất cả các thông tin PLD phù hợp qua đường điện tử cho UPS tại hoặc trước thời điểm Lô hàng được chuyển cho UPS. PLD bao gồm nhưng không giới hạn họ tên đầy đủ của Người nhận hàng, địa chỉ giao hàng hoàn chỉnh, kích thước và trọng lượng của Lô hàng.

Bằng cách bao gồm địa chỉ email của Người nhận hàng hoặc người nhận liên kết trong PLD cho một Lô hàng (“(các) Địa chỉ Email PLD”), Người gửi hàng xác nhận và đồng ý rằng UPS có thể gửi thông báo liên quan đến việc giao Lô hàng đó đến (các) Địa chỉ Email PLD liên quan của Lô hàng và có thể sử dụng (các) Địa chỉ Email PLD đó theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển hàng, trong phạm vi pháp luật cho phép. Người gửi hàng đảm bảo rằng (i) sự chấp thuận rõ ràng và cụ thể đã được bảo mật từ cá nhân liên kết với mỗi Địa chỉ Email PLD để nhận các thông báo liên quan đến việc giao các Lô hàng đó và để UPS sử dụng Địa chỉ Email PLD theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển, đến phạm vi pháp luật cho phép và (ii) (các) Địa chỉ Email PLD là chính xác và được Người nhận hàng hoặc người nhận liên kết kiểm soát đối với Lô hàng mà nó được liên kết. Người gửi hàng phải bảo vệ, bồi thường và giữ vô hại cho UPS, công ty mẹ, và các công ty con, cán bộ, giám đốc, nhân viên, đại lý, và người thừa kế và người ủy quyền của họ tránh khỏi bất kỳ và tất cả các trách nhiệm, tổn thất, thiệt hại, chi phí và phí tổn (bao gồm cả chi phí pháp lý hợp lý) dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các thiệt hại phát sinh từ hoặc là kết quả của bất kỳ vi phạm bảo đảm nào nêu trong câu trước.

Dịch Vụ Hóa Đơn Điện Tử của UPS® - UPS Paperless Invoice Service

Dịch vụ UPS Paperless Invoice (Hóa đơn không cần giấy tờ) hỗ trợ người gửi hàng tùy chọn xuất hoá đơn thương mại điện tử thể hiện đầy đủ giao dịch mua bán hàng được chuẩn bị sẵn. Dịch vụ này giúp người gửi hàng hoàn thiện nhanh thủ tục hải quan cho lô hàng quốc tế của mình và được cung cấp cho người gửi hàng đăng ký với UPS trước khi gửi hàng.

Bằng việc sử dụng Dịch Vụ Hóa Đơn Điện Tử của UPS, người gửi hàng cho phép UPS sử dụng giấy tiêu đề (letterhead) và chữ ký điện tử của người gửi hàng để lập các hóa đơn thương mại điện tử một cách đúng và chính xác trong mọi vấn đề, thể hiện các giao dịch mua bán hàng hóa của người gửi hàng cho người mua hàng của mình, nhằm giúp giải quyết nhanh các vấn đề về thông quan cho các lô hàng vận chuyển quốc tế và xuất khẩu theo luật định.

Người gửi hàng phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết trên hóa đơn thương mại để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của hóa đơn điện tử. Người gửi hàng cũng phải kịp thời tải lên Chi tiết Mức độ Kiện hàng (PLD) để sử dụng dịch vụ này. PLD bao gồm nhưng không giới hạn họ tên đầy đủ của người nhận hàng, địa chỉ giao hàng đầy đủ và kích thước và trọng lượng của lô hàng. Nếu người gửi hàng không kịp thời tải lên PLD, một số dịch vụ UPS nhất định có thể không được cung cấp. Kịp thời tải lên PLD được sử dụng trong các Điều khoản này là thao tác truyền tất cả các thông tin PLD cần thiết qua đường điện tử cho UPS tại hoặc trước thời điểm lô hàng được chuyển cho UPS. PLD bao gồm nhưng không giới hạn họ tên đầy đủ của Người nhận hàng, địa chỉ giao hàng đầy đủ và kích thước và trọng lượng của Lô hàng.

Dịch vụ Kiểm soát Nhập Khẩu UPS® - UPS Import Control®

Dịch vụ UPS Import Control cho phép người gửi hàng xử lý một lô hàng nhập khẩu, bao gồm hóa đơn thương mại. Trong những trường hợp cho phép, người gửi hàng có thể sử dụng dịch vụ Import Control để tạo Nhân vận chuyển bản giấy, Nhân vận chuyển điện tử, hoặc người gửi hàng cũng có thể yêu cầu UPS Nhận hàng 1 Lần hoặc 3 Lần để nhận lại lô hàng nhập khẩu từ địa chỉ của người gửi. Dịch vụ 3 Nỗ lực Nhận hàng UPS không được cung cấp cho các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services. Dịch vụ UPS Import Control chỉ được cung cấp tại những quốc gia có dịch vụ nhận hàng của UPS. Áp dụng thu phí bổ sung cho mỗi nhân UPS Import Control theo quy định trong Biểu phí UPS có hiệu lực tại thời điểm thu phí.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021

(tiếp theo)

Dịch vụ UPS Import Control được cung cấp cho các kiện hàng và pallet thông qua WorldShip®, UPS CampusShip®, UPS Internet Shipping, hoặc UPS Developer Kit và còn được cung cấp cho các kiện hàng được xử lý thông qua giải pháp WorldShip® hoặc UPS Ready®.

Các lô hàng bao gồm một số sản phẩm nhất định có thể bị cấm vận chuyển và không được UPS chấp nhận sử dụng dịch vụ UPS Import Control®, bao gồm nhưng không giới hạn các lô hàng có chứa Vật liệu nguy hại yêu cầu bắt buộc phải có chứng từ vận chuyển, hoặc các lô hàng chờ vũ khí yêu cầu Dịch vụ Xác nhận Giao hàng (C.O.D). Dịch vụ C.O.D không được cung cấp cho các lô hàng sử dụng dịch vụ UPS Import Control.

Giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với lô hàng Kiểm Soát Nhập Khẩu của UPS là 1,175,000,000 VND một gói hàng và 2,350,000,000 VND một pallet; với điều kiện là đối với bất kỳ gói hàng hoặc pallet Kiểm Soát Nhập Khẩu của UPS đó có giá trị thực hoặc được kê khai cao hơn 23,500,000 VND, người gửi hàng phải bảo đảm rằng bản tóm tắt lô hàng giá trị cao của UPS phải được tạo ra và ký bởi tài xế của UPS khi giao lô hàng đó cho UPS. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng giá trị cao được ký thì giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với mỗi lô hàng hoặc pallet được giới hạn ở mức 23,500,000 VND.

Nhân Gửi Trả Bản In; Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử

Các kiện hàng có thể bị trả lại từ một địa chỉ thông qua Nhân Trả hàng bản in hoặc Nhân Trả hàng điện tử.

Giá trị thực tế hoặc được kê khai tối đa cho mỗi lô hàng trong nước sử dụng Nhân Gửi Trả Bản In, Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử, là 23,500,000 VND/gói hàng hoặc pallet.

Giá trị thực tế hoặc được kê khai tối đa cho mỗi lô hàng quốc tế sử dụng Nhân Gửi Trả Bản In, Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử, hoặc là 1,175,000,000 VND/gói hàng hoặc 2,350,000,000 VND/pallet; với điều kiện là mỗi gói hàng đó có giá trị thực hoặc được kê khai cao hơn 23,500,000 VND, người gửi hàng phải bảo đảm rằng bản tóm tắt lô hàng giá trị cao của UPS phải được tạo ra và ký bởi tài xế của UPS khi giao lô hàng đó cho UPS. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng có giá trị cao được xác nhận và ký tên, giá trị thực tế hoặc khai báo tối đa cho mỗi kiện hàng hoặc pallet loại này được giới hạn tới 23,500,000 VND.

Khi giao hàng, một lô hàng trả lại sẽ bị tính mức phí đã được tính toán từ điểm nhận hàng đến điểm giao hàng thông qua các dịch vụ đã chọn. Một khoản phí bổ sung đối với mỗi lô hàng sử dụng Nhân Gửi Trả Bản In, Nhân Gửi Trả Bản Điện Tử, hoặc sẽ được tính khi dịch vụ được yêu cầu. Phí hiện hành là phí được quy định trong Bảng Cước Phí UPS có hiệu lực tại thời điểm phí được áp dụng.

Dịch vụ UPS Returns Plus

(i) Dịch vụ 1 UPS Pickup Attempt

Người gửi hàng có thể yêu cầu UPS cung cấp dịch vụ nỗ lực nhận hàng một lần để lấy lại kiện hàng hoặc pallet từ một địa chỉ cụ thể.

Giá trị thực tế hoặc khai báo tối đa cho mỗi lô hàng trong nước sử dụng dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1 là 23,500,000 VND/kiện hàng hoặc pallet. Giá trị thực tế hoặc khai báo tối đa cho mỗi lô hàng quốc tế sử dụng dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1 là 1,175,000,000 VND/kiện hàng hoặc 2,350,000,000/pallet; với điều kiện người gửi hàng phải đảm bảo rằng bản tóm tắt lô hàng UPS có giá trị cao phải được tài xế của UPS tạo và ký khi nhận lô hàng cho UPS đối với bất kỳ lô hàng quốc tế sử dụng dịch

vụ UPS Nhận hàng Lần 1 với giá trị thực tế hoặc khai báo vượt quá 23,500,000/kiện hàng hoặc pallet. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng có giá trị cao được xác nhận và ký tên, giá trị thực tế hoặc khai báo tối đa cho mỗi kiện hàng hoặc pallet loại này được giới hạn tới 23,500,000 VND.

Khi chuyển phát, một gói hàng bị gửi trả sử dụng dịch vụ 1 UPS Pickup Attempt sẽ được tính phí theo cước phí từ địa điểm nhận hàng đến địa điểm giao hàng thông qua dịch vụ được lựa chọn. Phí bổ sung cho một lô hàng sử dụng dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1 sẽ được đánh giá tính toán khi có yêu cầu dịch vụ UPS Nhận hàng Lần 1. Phí hiện hành là phí được quy định trong Bảng Cước Phí UPS có hiệu lực tại thời điểm phí được áp dụng.

(ii) Dịch vụ 3 UPS Pickup Attempts

Người gửi hàng có thể yêu cầu UPS đến nhận lô hàng hoặc pallet ba lần từ một địa chỉ. Dịch vụ này không được cung cấp đối với UPS Worldwide Express Freight Services. Giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với lô hàng sử dụng dịch vụ 3 UPS Pickup Attempt trong nước là 1,175,000,000 VND. Giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với lô hàng sử dụng dịch vụ 3 UPS Pickup Attempt quốc tế là 1,175,000,000 VND; với điều kiện là đối với bất kỳ lô hàng sử dụng dịch vụ 3 UPS Pickup Attempts nào có giá trị thực hoặc được kê khai cao hơn 23,500,000 VND, người gửi hàng phải bảo đảm rằng bản tóm tắt lô hàng giá trị cao của UPS phải được tạo ra và ký bởi tài xế của UPS khi giao lô hàng đó cho UPS. Nếu không có bản tóm tắt lô hàng giá trị cao được ký thì giá trị thực hoặc được kê khai tối đa đối với mỗi lô hàng được giới hạn ở mức 23,500,000 VND mỗi lô hàng hoặc pallet.

Dịch Vụ Chuyển Phát Ba Lần Không Tính Phụ Phí

Nếu được cung cấp, nếu UPS không thể hoàn thành việc chuyển phát một lô hàng thì một thông báo sẽ được gửi tại địa chỉ người nhận hàng nêu rõ việc chuyển phát đã được cố gắng thực hiện. Sau đó, lần thứ hai, và nếu cần thiết thì lần thứ ba cố gắng chuyển phát gói hàng đó sẽ được thực hiện mà không bị tính thêm phí. Đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services thì chỉ được cố gắng thực hiện việc chuyển phát một lần; những lần cố gắng chuyển phát sau đó sẽ bị tính thêm phí cho người nhận.

UPS có thể giao hàng cho người nhận hàng hoặc đại lý hoặc bên đại diện thực tế hoặc rõ ràng của người nhận hàng hoặc theo chỉ dẫn của người nhận hàng, tới địa chỉ hoặc địa điểm quy định trên hệ thống gửi hàng qua UPS, cho bất kỳ cá nhân nào có mặt tại địa chỉ hoặc địa điểm quy định trong hệ thống gửi hàng qua UPS, tới một địa chỉ hoặc địa điểm thay thế hợp lý phù hợp với thông lệ thương mại, theo quy trình giao hàng của tài xế UPS hoặc bàn giao lô hàng theo quy trình Shipper Release của UPS. UPS không hạn chế chỉ giao hàng cho một cá nhân nhất định được chỉ định là người nhận hàng. UPS có thể sử dụng một thiết bị điện tử để nhận chứng từ bàn giao và người gửi hàng đồng ý sẽ không phản đối UPS sử dụng bản in chứng từ bàn giao này làm bằng chứng dựa trên cơ sở các thông tin liên quan đã được thu thập và lưu trữ dưới dạng bản điện tử.

Xử lý đặc biệt đối với lô hàng không phát được; Trả Lại Lô Hàng bị Từ Chối

Các lô hàng bị người nhận hàng từ chối, hoặc vì bất kỳ lý do gì không thể phát được, sẽ được lưu lại, và UPS sẽ cố gắng liên lạc với người gửi hàng để nhận chỉ thị bổ sung, kể cả việc gửi trả lại. Nếu việc gửi trả lô hàng bị người gửi hàng từ chối, hoặc lô hàng đó không thể gửi trả lại được cho người gửi thì UPS sẽ giữ lô hàng đó lại trong một khoảng thời gian hợp lý, được UPS toàn quyền quyết định (nhưng không quá ba mươi ngày), và khi nỗ lực thương mại hợp lý để thông báo cho người gửi hàng,

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021

(tiếp theo)

UPS giữ quyền xử lý lô hàng sau đó theo quyền tự quyết của mình, bao gồm nhưng không giới hạn việc tiêu hủy gói hàng đó. Người gửi hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ phí, bao gồm nhưng không giới hạn phí chuyển tiếp, phí tiêu hủy, hoặc phí vận chuyển gửi trả, cũng như bất kỳ thuế hàng hóa hoặc các loại thuế khác, nếu có. UPS sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ khiếu nại nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào đối với lô hàng mà người gửi hàng từ chối nhận khi được gửi trả.

Từ Chối và Tạm Hoàn Dịch Vụ

Nếu UPS nhận thấy bất kỳ lô hàng nào không đáp ứng các giới hạn hoặc điều kiện nêu trên, UPS có thể từ chối vận chuyển lô hàng hoặc tạm dừng vận chuyển và tạm giữ lô hàng, nếu lô hàng đang trong quá trình vận chuyển. Ngoài ra UPS có toàn quyền xử lý lô hàng như vậy theo bất kỳ cách nào với mức phí và rủi ro do người gửi hàng chịu, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc hoàn trả lại cho người gửi, gửi lô hàng cho các cơ quan chính phủ hoặc tiêu hủy lô hàng đó.

Ngoài các lý do khác, UPS cũng có quyền từ chối cung cấp dịch vụ vận chuyển bất kỳ lô hàng nào, theo đánh giá của riêng UPS, bao gồm đất hoặc chất bẩn hoặc có thể làm hỏng các kiện hàng khác hoặc thiết bị của UPS, hoặc các lô hàng được đóng gói không phù hợp hoặc không an toàn. Ngoài ra, UPS có toàn quyền từ chối cung cấp dịch vụ vận chuyển bất kỳ lô hàng nào xuất phát từ hoặc gửi tới bất kỳ địa điểm nào hoặc từ chối cung cấp các thỏa thuận dịch vụ thay thế khi UPS cho rằng việc cung cấp dịch vụ là không an toàn hoặc không khả thi về mặt kinh tế hoặc thao tác xử lý.

UPS có thể lựa chọn tạm dừng vận chuyển một lô hàng bất kỳ nếu hàng hóa trong lô hàng đó không được chấp nhận vận chuyển vì bất kỳ lý do nào, nếu UPS không thể nhận hàng trong nỗ lực nhận hàng lần ba, nếu người nhận hàng từ chối nhận, hoặc nếu UPS không thể thu được khoản nợ từ người nhận khi giao hàng. Người gửi hàng sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ phí được tính theo cước phí hiện hành của UPS, do việc tạm hoãn dịch vụ gây ra, bao gồm nhưng không giới hạn phí chuyển đi, hủy, hoặc hoàn trả cũng như các loại thuế hàng hóa và lệ phí khác, nếu có.

Người gửi hàng sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí và phí hợp lý cho UPS (bao gồm phí lưu kho) cho các khoản tổn thất, thuế, thuế hải quan mà UPS phải gánh chịu và cho tất cả các khoản khiếu nại đối với UPS do lô hàng không đáp ứng được các hạn chế hoặc điều kiện được quy định trong Hàng Hóa Được Xử Lý và Giới Hạn Dịch Vụ được nêu bên trên hoặc do việc từ chối hoặc tạm hoãn vận chuyển hoặc chuyển trả lô hàng mà UPS phải thực hiện theo các điều khoản này.

UPS sẽ không có nghĩa vụ hoặc chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hư hỏng nào đối với lô hàng bất kỳ, sản phẩm bên trong lô hàng mà UPS không được phép chấp nhận, hoặc UPS đã tuyên bố rằng không chấp nhận, hoặc UPS có quyền từ chối. Nếu UPS tạm hoãn dịch vụ như được quy định trong các điều khoản này thì người thanh toán phí vận chuyển sẽ không được quyền nhận tiền hoàn trả lại. Việc chấp nhận vận chuyển bất kỳ lô hàng nào mà UPS không chấp nhận vận chuyển hoặc lô hàng mà người gửi hàng bị cấm vận chuyển sẽ không lập thành một việc từ bỏ bất kỳ quy định nào trong các điều khoản này hoặc các điều khoản được quy định trong Hướng Dẫn Cước Phí và Dịch Vụ hoặc tại [ups.com](https://www.ups.com).

Dịch Vụ Giữ Lại Chờ Nhận và Giữ Lại tại Địa Điểm

Tại thời điểm người gửi hàng giao một lô hàng cho UPS, người gửi hàng có thể yêu cầu UPS giữ lại lô hàng nội địa tại Trung Tâm Khách Hàng UPS được chỉ định để người nhận hàng đến lấy hàng. Đối với mỗi lô hàng như vậy, người gửi hàng sẽ điền đầy đủ thông tin cho nhân địa chỉ ghi rõ chữ "Giữ Lại Chờ Nhận", tên, số điện thoại người

nhận, tên người liên lạc, và địa chỉ đầy đủ của Trung Tâm Khách Hàng UPS được chỉ định. Ngoài ra, người gửi hàng sẽ sử dụng nhãn của UPS Giữ Lại Chờ Nhận bên dưới nhãn địa chỉ của lô hàng. Nhãn Giữ Lại Chờ Nhận không áp dụng cho vận chuyển lô hàng quốc tế.

Đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services, người gửi hàng có thể yêu cầu UPS giữ lại lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services tại Trung Tâm UPS Worldwide Express Freight để người nhận hàng đến nhận hàng. Đối với mỗi lô hàng như vậy, người gửi hàng sẽ điền đầy đủ thông tin cho nhân địa chỉ ghi rõ chữ "Giữ Lại Chờ Nhận", tên, số điện thoại người nhận, tên người liên lạc, và địa chỉ đầy đủ của người nhận hàng (không cần ghi địa chỉ của Trung Tâm UPS Worldwide Express Freight được chỉ định).

UPS sẽ giữ lại lô hàng tại Trung Tâm Khách Hàng của UPS hoặc Trung Tâm UPS Worldwide Express Freight và sẽ cố gắng liên lạc với người nhận hàng theo số điện thoại được ghi trên nhãn. Các lô hàng không có người nhận trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ ngày lô hàng đến sẽ được xem là không phát được.

"Trung tâm UPS Worldwide Express Freight" là một cơ sở của UPS nơi người gửi hàng có thể gửi các pallet UPS Worldwide Express Freight Services cho UPS vận chuyển và người nhận hàng hoặc người nhận khác có thể tới nhận pallet. Trung tâm UPS Worldwide Express Freight hoạt động tại Châu Á - Thái Bình Dương được liệt kê tại [ups.com](https://www.ups.com)® trong mục Định vị toàn cầu.

Đóng Gói

Người gửi hàng có nghĩa vụ đóng gói nhằm bảo đảm rằng việc đóng gói phù hợp được sử dụng và rằng đồ vật và hàng hóa bên trong được đóng gói, bọc và lót một cách đầy đủ và chắc chắn để vận chuyển. Việc sử dụng dịch vụ đóng gói do UPS cung cấp (bao gồm nhưng không giới hạn nguyên liệu, vật liệu và hỗ trợ đóng gói) không phải là một sự bảo đảm rằng vật phẩm được đóng gói phù hợp để vận chuyển.

Khi vận chuyển một số thiết bị điện tử có chứa các thông tin cá nhân nhạy cảm thì UPS khuyến nghị rằng người gửi hàng nên lưu giữ một bản sao dữ liệu của thiết bị điện tử thông qua hình thức mã hóa hoặc phương tiện công nghệ khác. UPS không chịu trách nhiệm hoặc có nghĩa vụ về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, hoặc việc không thể trích xuất dữ liệu được lưu giữ trong thiết bị điện tử đó hoặc việc mất thông tin.

Các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services phải được đóng vào pallet, có thể xếp chồng lên nhau, có thể nâng bằng xe nâng và được bọc chặt bằng nilon hoặc gắn vào chốt chặn. Người gửi hàng phải đảm bảo bề kẻ hàng và cách đóng gói lô hàng tuân thủ đầy đủ pháp luật và quy định áp dụng của quốc gia nơi xuất phát và nơi đến.

Quyền Kiểm Tra

UPS giữ quyền, nhưng không bắt buộc, mở và kiểm tra bất kỳ lô hàng nào được gửi cho UPS để vận chuyển.

Ngoài ra, UPS là đại lý vận tải đã đăng ký và phải tuân thủ các quy trình kiểm hóa, soi chiếu an ninh và thủ tục hải quan theo yêu cầu của cảnh sát sân bay sở tại, hải quan sở tại, an ninh hàng không và các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật Việt Nam, và các chế tài dân sự và hình sự, bao gồm tịch thu và phạt mãi có thể được áp dụng cho các lô hàng khai báo sai hoặc gian lận hoặc lô hàng chứa chất nổ hoặc thiết bị nổ vận chuyển trái phép.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021

(tiếp theo)

Các quy định về thông quan của các Lô Hàng Quốc Tế.

Người gửi hàng phải cung cấp giấy tờ cần thiết để làm thủ tục khai báo hải quan. Khi cung cấp các giấy tờ cần thiết, người gửi hàng xác nhận rằng tất cả nội dung khai báo và thông tin liên quan đến xuất nhập khẩu là trung thực và chính xác. Hơn nữa, UPS là đại lý vận tải đã đăng ký và phải tuân thủ các quy trình kiểm hóa, soi chiếu an ninh và thủ tục hải quan theo yêu cầu của cảnh sát sân bay sở tại, hải quan sở tại, an ninh hàng không và các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật Việt Nam, và các chế tài dân sự và hình sự, bao gồm tịch thu và phạt mãi có thể được áp dụng cho các lô hàng khai báo sai hoặc gian lận hoặc lô hàng chứa chất nổ hoặc thiết bị nổ vận chuyển trái phép. Khi một lô hàng được gửi cho UPS, UPS có thể được chỉ định là đại lý khai báo hải quan, nếu áp dụng. UPS được chỉ định là người nhận hàng danh nghĩa cho mục đích chỉ định bên khai thuế hải quan để tiến hành thủ tục hải quan.

Các khoản phạt hải quan, phí lưu kho hoặc các loại chi phí khác phải gánh chịu do việc người gửi hàng hoặc nhận hàng không cung cấp chứng từ hợp lệ hoặc không có được giấy phép hoặc sự cấp phép theo yêu cầu sẽ được tính cho người nhận hàng cùng với bất kỳ khoản thuế hàng hóa hoặc thuế hiện hành nào. Người gửi hàng sẽ chịu trách nhiệm nếu người nhận hàng không thanh toán. Tùy từng trường hợp, UPS sẽ cung cấp dịch vụ thông quan mà không tính thêm phí bổ sung cho việc thông quan thông thường theo quy định Hưởng dẫn về giá và dịch vụ UPS hiện hành. Phí bổ sung có thể được áp dụng cho thủ tục thông quan phức tạp được nêu trong Hướng Dẫn Cước Phí.

Cước Phí

Các mức phí áp dụng là Biểu phí UPS được công bố trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS hiện hành cho các dịch vụ được người gửi hàng lựa chọn, áp dụng cho người gửi hàng và lô hàng và đang có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển, cộng thêm bất kỳ khoản phụ phí hoặc mức phí nào cho dịch vụ không tiêu chuẩn, sử dụng bổ sung hoặc không tiêu chuẩn, và các khoản phụ phí bổ sung bất kỳ được tham chiếu trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS, hoặc các mức phí bổ sung được áp dụng khác sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng tùy chỉnh. Để xác định khoản phí bất kỳ cho dịch vụ UPS, tham khảo Biểu phí UPS hiện hành được cung cấp tại địa chỉ ups.com® và theo yêu cầu tại văn phòng UPS địa phương. Các pallet UPS Worldwide Express Freight Services xử lý theo dịch vụ chuyên chở tận nhà trước khi đưa tới Trung tâm UPS Worldwide Express Freight để vận chuyển sẽ được tính phí bổ sung.

Đơn vị tiền tệ hiển thị cho biểu giá và phí UPS được điều chỉnh từ Đô la Mỹ (USD) sang Việt Nam Đồng (VND) từ 12 tháng 7, 2020. Do sự điều chỉnh này, có thể sẽ có sự chênh lệch $\pm 0.5\%$ giữa giá khuyến mại tính trên giá niêm yết và giá trên hóa đơn.

Thanh Toán

Trừ khi được thanh toán trước khi vận chuyển, toàn bộ phí phải được thanh toán trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn hoặc trong khoảng thời gian khác mà người gửi hàng có thể thỏa thuận bằng văn bản với UPS. Trừ khi được chứng minh khác, một hóa đơn sẽ được xem như đã nhận được ba ngày sau kể từ ngày trên hóa đơn.

Bất kỳ khoản thanh toán nào mà UPS thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn thuế hàng hóa và các loại phí khác, thay mặt người gửi hàng, người nhận hàng hoặc một bên nào khác, phải được người gửi hàng thanh toán đúng hạn khi có yêu cầu. Bất kể bất kỳ khoản phí dịch vụ hoặc quyền chọn thanh toán nào được lựa chọn vào thời điểm gửi hàng, người gửi hàng có nghĩa vụ cao nhất đối với và đồng ý thanh toán tất cả các phí, kể cả khi người nhận hàng hoặc bên thứ ba không thanh toán bất kỳ khoản phí nào mà những người đó phải thanh toán. Phí thanh toán trễ hạn đối với số tiền được ghi trong hóa đơn của UPS có thể bị tính phí trên số tiền chưa thanh toán vào

ngày thanh toán đã được quy định cụ thể. Đây là quyền lợi ngoài quyền theo pháp luật và biện pháp khắc phục mà UPS được quyền hưởng.

UPS sẽ có quyền cầm giữ chung và liên tục đối với bất kỳ và tất cả các lô hàng mà UPS đang cung cấp dịch vụ thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát thực tế hoặc đang xây dựng của UPS đối với các khoản tiền nợ UPS liên quan đến lô hàng mà quyền thế chấp được yêu cầu và/hoặc cho tất cả (các) chuyến hàng trước.

Số Tài Khoản Bị Thiếu/Không Hợp Lệ hoặc Phí Từ Chối

Phí xử lý, được quy định trong phần Cước Phí UPS áp dụng cho các lô hàng có hiệu lực vào thời điểm vận chuyển, sẽ được tính cho số tài khoản bị thiếu hoặc số tài khoản không hợp lệ khi số tài khoản đó bị thiếu hoặc đó không phải là số tài khoản đúng cho bên bị tính phí, hoặc nếu đó là số tài khoản cho người nhận hàng hoặc một bên thứ ba không thanh toán phí vận chuyển. Trong trường hợp người nhận hàng hoặc bên thứ ba không thanh toán phí vận chuyển thì người gửi hàng sẽ bị tính phí từ chối cộng với phí vận chuyển.

Gián Đoạn Dịch Vụ

Nếu UPS không thể bắt đầu hoặc tiếp tục vận chuyển lô hàng của người gửi hàng vì một lý do nằm ngoài tầm kiểm soát của UPS thì người gửi hàng không thể khiếu nại UPS vì phạm hợp đồng với người gửi hàng nhưng UPS sẽ thực hiện tất cả các bước có thể một cách hợp lý trong các trường hợp đó để bắt đầu hoặc tiếp tục việc vận chuyển.

UPS không chịu trách nhiệm pháp lý, và Dịch Vụ Bảo Đảm UPS không áp dụng cho bất kỳ gián đoạn dịch vụ nào xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của UPS bao gồm nhưng không giới hạn trong: sự vắng mặt hoặc từ chối của người nhận hàng do các trường hợp bất khả kháng, thiên tai, rủi ro do chiến tranh, khủng bố, các cơ quan công quyền thực thi công vụ minh bạch hoặc rõ ràng, do thực thi công vụ hoặc thiếu sót của Hải quan hoặc các cơ quan công quyền khác, cơ quan luật pháp, khách hàng cung cấp thiếu thông tin, do áp dụng quy tắc an ninh do chính phủ ban hành, hoặc có thể áp dụng cho các lô hàng ảnh hưởng do bạo loạn, đình công hoặc tranh chấp lao động khác, bất ổn dân sự, gián đoạn mạng lưới vận tải đường hàng không hoặc đường bộ nội địa hoặc quốc gia (bao gồm, nhưng không giới hạn, mạng lưới vận chuyển UPS), sự gián đoạn hoặc mất kết nối của hệ thống thông tin và truyền thông, hoặc điều kiện thời tiết bất lợi.

Bảo Đảm Dịch Vụ UPS

Yêu cầu giao hàng theo kế hoạch của UPS cho một số dịch vụ và điểm đến nhất định được hỗ trợ bởi chế độ bảo đảm hoàn tiền, theo quy định trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ, Chi tiết Bảo đảm Dịch vụ của UPS, bao gồm tính khả thi và điều kiện hạn chế, và thời gian giao hàng tương ứng và thời gian nhận hàng muộn nhất cho các dịch vụ và điểm đến có liên quan được quy định cụ thể trên trang web của UPS (ups.com) có hiệu lực tại thời điểm hàng hóa được chấp nhận vận chuyển và có thể yêu cầu xác nhận bằng cách liên hệ văn phòng UPS địa phương. Khi sử dụng Bảo đảm Dịch vụ, và các điều kiện Bảo đảm Dịch vụ theo quy định trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ được đáp ứng, nếu UPS không giao hàng đúng thời điểm yêu cầu, UPS sẽ hoàn lại hoặc ghi có cho người gửi hàng (hoặc bất kỳ cá nhân nào thanh toán phí vận chuyển) tất cả chi phí vận chuyển (hoặc phần chi phí vận chuyển tương ứng liên quan đến các kiện hàng hoặc pallet không giao đúng hạn đó nếu trong trường hợp chỉ có một số kiện hàng hoặc pallet trong một lô hàng gồm nhiều kiện hoặc nhiều pallet không đáp ứng thời hạn yêu cầu giao hàng), các khoản phụ thu thuận, Thuế Giá trị gia tăng, thuế hoặc phí khác. UPS phải nhận được thông báo bằng văn bản hoặc qua điện thoại cho tất cả các yêu cầu Hoàn trả Tiền Dịch vụ bảo đảm trong vòng 15 ngày dương lịch sau ngày giao hàng dự kiến.

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021

(tiếp theo)

Đảm bảo Dịch vụ không được áp dụng khi việc giao hàng trễ là kết quả của việc không tuân thủ Điều khoản Hàng hóa được xử lý và Giới hạn Dịch vụ, hoặc do UPS thực hiện quyền giữ lại lô hàng theo quy định của các điều khoản này khi áp dụng điều khoản Từ chối và Tạm dừng Dịch vụ hoặc điều khoản Giãn đoạn Dịch vụ. Đảm bảo Dịch vụ không được áp dụng cho (i) các kiện hàng hoặc pallet phải chịu Phụ phí Kiện hàng lớn, Phụ phí Xử lý Pallet vượt quá kích thước quy định hoặc Phí xử lý hàng bổ sung; (ii) các lô hàng bao gồm kiện hàng vượt quá giới hạn kích thước hoặc trọng lượng tối đa (iii) các lô hàng bao gồm kiện hàng hoặc pallet bất kỳ phải chịu Phụ phí Kiện hàng lớn, Phụ phí Xử lý Pallet vượt quá kích thước quy định hoặc Phí xử lý hàng bổ sung, hoặc vượt quá giới hạn kích thước hoặc trọng lượng tối đa, (iv) bất kỳ lô hàng nào chứa Hàng nguy hiểm vận chuyển quốc tế (IDG), hoặc (v) các lô hàng không kịp thời tải lên PLD. Đối với các lô hàng UPS Worldwide Express Freight Services, Đảm bảo Dịch vụ sẽ chỉ được áp dụng cho lô hàng vượt quá 2 tấn hoặc 4.400 pounds Anh nếu người gửi hàng có giấy xác nhận đủ điều kiện Đảm bảo Dịch vụ trước khi giao hàng cho UPS vận chuyển.

Để tránh nhầm lẫn, nghĩa vụ của UPS theo Bảo Đảm Dịch Vụ được giới hạn ở các quy định bên trên và Bảo Đảm Dịch Vụ không tạo thành bất kỳ hình thức cam kết hoặc tuyên bố nào rằng lô hàng sẽ đến trước một thời điểm cụ thể.

UPS có có quyền hủy bỏ hoặc đình chỉ Bảo Đảm Dịch Vụ UPS đối với bất kỳ dịch vụ nào, và trong bất kỳ thời hạn nào mà UPS có toàn quyền quyết định mà không cần phải thông báo trước.

Quyền Chọn Thanh Toán

Số tiền được tính bao gồm, nhưng không giới hạn, phí vận chuyển, thuế hàng hóa và các loại thuế khác, nếu có. Trừ khi bị giới hạn khác tại quốc gia gửi hàng hoặc quốc gia nhận hàng, UPS cung cấp một số quyền chọn thanh toán sau đây:

Tính phí vận chuyển cho:

- (a) Người gửi hàng – Người gửi hàng thanh toán tất cả các phí vận chuyển.
- (b) Người nhận hàng – Người nhận hàng thanh toán tất cả các phí vận chuyển.
- (c) Bên thứ ba – Bên thứ ba được chỉ định thanh toán tất cả các phí vận chuyển. Quyền chọn thanh toán này phụ thuộc vào việc bên thứ ba có tài khoản UPS. Người gửi hàng phải ghi rõ tên, số tài khoản, và quốc gia của bên thứ ba trong mục thích hợp trong Vận Đơn UPS.

Tính thuế hàng hóa và các lệ phí khác cho:

- (a) Người gửi hàng – Người gửi hàng thanh toán tất cả thuế hàng hóa và các loại thuế khác.
- (b) Người nhận hàng – Người nhận hàng thanh toán tất cả thuế hàng hóa và các loại thuế khác.
- (c) Bên thứ ba – Bên thứ ba được chỉ định thanh toán tất cả thuế hàng hóa và các loại thuế khác. Quyền chọn thanh toán này phụ thuộc vào việc bên thứ ba có tài khoản UPS. Người gửi hàng phải ghi rõ tên, số tài khoản, và quốc gia của bên thứ ba trong mục thích hợp trong Vận Đơn UPS.

Người gửi hàng bảo đảm người nhận hàng hoặc bên thứ ba được chỉ định trên vận đơn thanh toán tất cả các phí phải trả cho UPS. Đối với tất cả các lô hàng mà người gửi hàng không thanh toán phí vận chuyển thì người gửi hàng phải thông báo cho người thanh toán hóa đơn trước khi vận chuyển, và quyền chọn này phải được ghi rõ trên Vận Đơn UPS trong mục phù hợp. UPS giữ quyền tùy quyết về việc yêu cầu thanh toán trước phí vận chuyển đối với bất kỳ gói hàng hoặc pallet nào được gửi đến hoặc từ bất kỳ nơi đến hoặc nơi gửi quốc tế nào.

Phụ Thu Thuế Chuyển Hàng được áp dụng nếu chủ hàng lựa chọn Quyền chọn thanh toán mà tại đó Thuế và Các khoản phụ phí sẽ được trả bên ngoài nước đến.

Trách Nhiệm về Tổn Thất hoặc Thiệt Hại

Trong trường hợp có áp dụng Công ước về thống nhất một số quy tắc liên quan đến vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không ký kết tại Warsaw vào ngày 12 tháng 10 năm 1929 (và bất kỳ văn bản sửa đổi bổ sung, bao gồm Nghị định thư bổ sung số 4 ký kết tại Montreal vào tháng 9 năm 1975, hoặc Công ước về thống nhất một số quy tắc cho vận chuyển quốc tế bằng đường hàng không (Montreal, ngày 28 tháng 5 năm 1999)) hoặc Công ước CMR (Công ước về Hợp đồng vận tải đường bộ quốc tế) hoặc luật pháp quốc gia thừa nhận hoặc thực hiện các công ước này (sau đây gọi chung là Quy tắc Công ước để đảm bảo tính thuận tiện) hoặc (và trong phạm vi có thể) pháp luật quốc gia bắt buộc khác, trách nhiệm của UPS sẽ bị ràng buộc và điều chỉnh và sẽ được hạn chế theo các quy định hiện hành.

Theo Luật Việt Nam thì UPS chỉ có nghĩa vụ đối với việc không thực hiện với sự cẩn trọng và kỹ năng hợp lý và nghĩa vụ sẽ chỉ bị điều chỉnh bởi các điều khoản này (trừ trường hợp chần thượng thân thể hoặc tử vong) được giới hạn ở mức 9 SDR một kg (được tính trên mỗi 500gr và làm tròn lên 500gr tiếp theo), miễn là số tiền bồi thường không được thấp hơn 30 SDR cho mỗi lô hàng, cộng với hoàn trả lại cước đã thanh toán cho dịch vụ.

Bên gửi hàng có thể tăng giới hạn trách nhiệm của UPS lên đến giá trị thực của lô hàng bằng cách khai báo giá trị vận chuyển cao hơn và trả một khoản phí bổ sung như được nêu trong Hướng dẫn về Giá và Dịch vụ. Giá trị khai báo cho vận chuyển sẽ không vượt quá giá trị thực của lô hàng hoặc giới hạn giá trị thực được quy định trong điều khoản Hạn chế đối với Dịch vụ và Hàng hóa Xử lý, tùy theo giá trị nào thấp hơn.

Cụ thể đối với các lô hàng trang sức được cho phép, đá quý không dát và kim cương công nghiệp, giá trị khai báo (và do đó là giới hạn trách nhiệm của UPS đối với các lô hàng đó) sẽ không vượt quá giá trị thực của lô hàng và tuân theo giới hạn tối đa thêm 23,500,000 VND mỗi kiện hàng hoặc pa-lét (hoặc giá trị tương đương bằng đồng nội tệ) hoặc 58,750,000 VND mỗi gói hoặc mỗi pa-lét (hoặc giá trị tương đương bằng đồng nội tệ) nếu lô hàng đó được chuyển từ điểm xuất phát đủ điều kiện đến các điểm đến đủ điều kiện được nêu tại [ups.com/jewel](https://www.ups.com/jewel).

UPS không cung cấp bảo hiểm hàng hóa cho bên gửi hàng. Bên gửi hàng muốn có bảo hiểm hàng hóa hoặc bảo hiểm tất cả rủi ro cần mua bảo hiểm như vậy từ bên thứ ba.

UPS sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về sự thất lạc hoặc thiệt hại do các trường hợp bất khả kháng, thiên tai, chiến tranh, hành động khủng bố, phá hủy do hạt nhân, các cơ quan công quyền thực thi công vụ minh bạch hoặc rõ ràng, do thực thi công vụ hoặc thiếu sót của Hải quan hoặc các cơ quan công quyền khác, cơ quan luật pháp,

Điều Khoản và Điều Kiện Dịch Vụ

Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7, năm 2021

(tiếp theo)

do áp dụng quy tắc an ninh do chính phủ ban hành, hoặc có thể áp dụng cho các lô hàng ảnh hưởng do bạo loạn, đình công hoặc tranh chấp lao động khác, bất ổn dân sự, gián đoạn mạng lưới vận tải đường hàng không hoặc đường bộ nội địa hoặc quốc gia (bao gồm, nhưng không giới hạn, mạng lưới vận chuyển UPS), sự gián đoạn hoặc mất kết nối của hệ thống thông tin và truyền thông, hoặc điều kiện thời tiết bất lợi.

Trừ khi có quy định khác trong Quy tắc Công ước hoặc pháp luật quốc gia bắt buộc, UPS không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đặc biệt, ngẫu nhiên, hoặc hậu quả, trong đó có tổn thất đơn thuần về kinh tế, chẳng hạn như chi phí thuê phương tiện vận chuyển thay thế, tổn thất lợi nhuận, tổn thất cơ hội kinh doanh hoặc thất thoát doanh số do không sử dụng được hàng hóa, phát sinh từ tổn thất hoặc thiệt hại bất kỳ hoặc do giao hàng chậm cho dù có hoặc không khai báo giá trị như quy định ở trên.

UPS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại phát sinh từ việc UPS không thể thực hiện, không thực hiện hoặc từ chối thực hiện yêu cầu dừng, trả lại hoặc thay đổi hành trình của một lô hàng bao gồm một kiện hàng hoặc một pallet sau khi hàng đã giao cho UPS.

Thủ Tục Khiếu Nại

Tất cả khiếu nại đối với UPS phải được lập thành văn bản cùng với UPS trong thời gian hợp lý sớm nhất và trong mọi trường hợp phải được gửi trong vòng 14 ngày kể từ ngày giao hàng nếu có tổn thất (bao gồm tổn thất một phần lô hàng) và trong vòng 21 ngày kể từ ngày giao hàng nếu giao hàng chậm. Ngoài ra, UPS không chịu trách nhiệm về bất kỳ lô hàng nào trừ khi có yêu cầu theo thủ tục tố tụng pháp lý và thông báo bằng văn bản được gửi cho UPS trong vòng sáu tháng kể từ ngày bàn giao lô hàng liên quan hoặc, trong vòng sáu tháng kể từ ngày giao hàng dự kiến trong trường hợp lô hàng đó không được bàn giao. Điều khoản này không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi của người gửi hàng có thể có theo Quy tắc Công ước hiện hành hoặc luật quốc gia bắt buộc áp dụng khác.

Bảo Vệ Dữ Liệu

Người gửi hàng đồng ý rằng UPS và các công ty khác trong tập đoàn các công ty trên toàn thế giới, bao gồm các công ty tại các quốc gia không có cùng mức độ bảo vệ dữ liệu như quốc gia nơi mà lô hàng được trao cho UPS để vận chuyển, có thể sử dụng bất kỳ dữ liệu nào mà người gửi hàng cung cấp cho UPS vì mục đích được quy định tại, và phụ thuộc vào, Thông Báo Bảo Mật được công bố trên trang web của UPS tại <https://www.ups.com/content/vn/vn/resources/ship/terms/privacy.html> (thông báo này được coi như được đưa vào văn bản thông qua việc tham chiếu vào các điều khoản này). Người gửi hàng có một số quyền theo pháp luật để tiếp cận, sửa đổi, phản đối việc sử dụng cho mục đích tiếp thị trực tiếp hoặc xóa dữ liệu cá nhân về người gửi hàng do UPS nắm giữ.

Người gửi hàng đồng ý rằng khi cung cấp địa chỉ e-mail của người nhận hàng trong PLD của lô hàng, ("Địa chỉ Email PLD"), người gửi hàng xác nhận và đồng ý rằng UPS có thể gửi thông báo liên quan đến việc giao hàng tới Địa chỉ Email PLD liên quan của lô hàng và có thể sử dụng Địa chỉ Email PLD đó theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS. Người gửi hàng đảm bảo rằng (i) các cá nhân liên quan đến từng Địa chỉ Email PLD đã được biết và đồng ý tiếp nhận các thông báo liên quan đến việc giao hàng tương ứng và cho phép UPS sử dụng Địa chỉ Email PLD theo Thông báo Quyền riêng tư của UPS và rằng (ii) Địa chỉ Email PLD là chính xác và thuộc quyền quản lý của người nhận hàng hoặc người có liên quan đến lô hàng. Người gửi hàng sẽ bảo vệ, bồi thường và giữ vô hại cho UPS, công ty mẹ, và các công ty con, cán bộ, giám đốc, nhân viên, đại lý, và người

thừa kế và người ủy quyền của họ tránh khỏi bất kỳ và tất cả các trách nhiệm, tổn thất, thiệt hại, chi phí và phí tổn (bao gồm cả chi phí pháp lý hợp lý) dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các thiệt hại phát sinh từ hoặc là kết quả của việc vi phạm các cam kết nêu trong câu trước.

Toàn Bộ Hợp Đồng

Tất cả các lô hàng phải tuân theo các điều khoản và điều kiện trong Hướng dẫn Biểu phí và Dịch vụ UPS và quy định đăng tải trên trang web của UPS (ups.com). Hướng Dẫn Dịch Vụ và Bảng Giá Cước của UPS hiện hành và các quy định về Dịch Vụ của UPS tại www.ups.com, được đưa vào Hướng Dẫn Dịch Vụ và Bảng Giá Cước của UPS; và tài liệu gốc của mỗi lô hàng cùng nhau hợp thành thỏa thuận đầy đủ và duy nhất của các bên, trừ trường hợp được các bên sửa đổi bằng văn bản trong hiện tại hoặc tương lai và không bị thay đổi hoặc sửa đổi bởi bất kỳ thỏa thuận bằng lời nói nào.

Tính Tách Biệt

Các điều khoản này được áp dụng trong phạm vi đầy đủ nhất mà pháp luật hiện hành cho phép. Nếu bất kỳ phần nào trong các điều khoản này không có hiệu lực thì hành thì sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực thi hành của bất kỳ phần nào khác.

Luật Điều Chỉnh

Các điều khoản này và bất kỳ hợp đồng nào được ký kết có bao gồm các điều khoản này sẽ được pháp luật của quốc gia nơi mà lô hàng được trao cho UPS để vận chuyển điều chỉnh trên mọi phương diện.

ups.com®
1800 588 877

UPS Việt Nam

Văn phòng Hà Nội	Trụ sở TP.Hồ Chí Minh
Khu công nghiệp Sài Đồng B,	Số 18A đường Cộng Hoà, Phường 12,
Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên,	Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam
Hà Nội, Việt Nam	Tel: (84) 028 3811 2888 / 3811 2999
Tel: (84) 024 3514 2888	Fax: (84) 028 3811 3333
Fax: (84) 024 3514 2727	Thứ Hai - Thứ Bảy: 07:30 - 19:00
Thứ Hai - Thứ Bảy: 07:30 - 19:00	Đóng cửa vào Chủ Nhật và các ngày lễ
Đóng cửa vào Chủ Nhật và các ngày lễ	

Đường dây nóng dịch vụ chăm sóc khách hàng: 1800 588 877

www.ups.com

Đăng ký nhận email từ UPS

Đăng ký để nhận bản Hướng Dẫn về Giá điện tử và email từ UPS và cập nhật các chương trình khuyến mãi, tin tức, và thông báo mới nhất. Vui lòng truy cập **ups.com/vn** và làm theo hướng dẫn để đăng ký. Bạn có thể hủy đăng ký bất cứ lúc nào.



ups.com®
1800 588 877

© 2021 United Parcel Service of America, Inc. UPS, the UPS brandmark and the color brown are registered trademarks of the United Parcel Service of America, Inc. All rights reserved.